

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**TÀI LIỆU TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (THCS)
trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

HÀ NỘI, 2019

Người biên soạn

1. GS.TS Nguyễn Viết Thịnh
2. PGS.TS Nghiêm Đình Vỳ
3. PGS.TS Kiều Văn Hoan
4. PGS.TS Đào Tuấn Thành
5. PGS.TS Ngô Thị Hải Yến
6. TS Nguyễn Văn Ninh

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (THCS)	4
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH	7
III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	8
IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC.....	9
V. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	15
VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC	24
VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	56
VIII. THIẾT BỊ DẠY HỌC	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	65

MỞ ĐẦU

Tài liệu tìm hiểu môn Lịch sử và Địa lí (THCS) trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được biên soạn nhằm giúp các giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục hiểu rõ hơn những vấn đề cốt yếu của Chương trình (CT) giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn học để vận dụng tốt hơn vào thực tiễn dạy học và quản lí giáo dục.

Tài liệu này được biên soạn nhằm giảm bớt đi những bờ ngõ và khó khăn, tăng cường niềm tin của giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục vào những đổi mới trong Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn.

Hà Nội, tháng 5 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (THCS)

1. Vị trí của môn học trong chương trình giáo dục phổ thông

Giáo dục Lịch sử và Địa lí được cấu tạo thành một môn học bắt buộc từ tiểu học (TH) đến trung học cơ sở (THCS), được dạy từ lớp 4, 5 (TH) đến lớp 6, 7, 8, 9 (THCS).

Ở tiểu học, các kiến thức lịch sử và địa lí được tích hợp cao. Mạch nội dung chương trình môn học không tách thành hai phân môn Lịch sử và Địa lí. Các kiến thức lịch sử và địa lí được tích hợp trong các chủ đề về địa phương, vùng miền, đất nước và thế giới theo sự mở rộng về không gian địa lí và xã hội. Logic này đảm bảo để khi hoàn thành chương trình TH, học sinh có kiến thức bước đầu về lịch sử và địa lí của địa phương, vùng miền, đất nước và thế giới để học tiếp môn Lịch sử và Địa lí ở bậc THCS.

Ở trung học cơ sở, môn học gồm các nội dung giáo dục lịch sử, địa lí và một số chủ đề liên môn, đồng thời lồng ghép, tích hợp kiến thức ở mức độ đơn giản về kinh tế, văn hoá, khoa học, tôn giáo,... Các mạch kiến thức lịch sử và địa lí được kết nối với nhau nhằm soi sáng và hỗ trợ lẫn nhau. Môn học còn có thêm một số chủ đề mang tính tích hợp, như: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông; Đô thị – lịch sử và hiện tại; Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long; Các cuộc đại phát kiến địa lí,... Việc coi trọng tích hợp lịch sử và địa lí, đồng thời tôn trọng đặc điểm khoa học của mỗi phân môn sẽ đáp ứng mục tiêu môn học ở THCS đồng thời tạo điều kiện cho HS học tiếp ở bậc THPT.

2. Vai trò và tính chất nổi bật của môn học trong giai đoạn giáo dục cơ bản

Môn Lịch sử và Địa lí góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực cho HS trong giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo tiền đề cho HS tiếp tục học giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp. Môn Lịch sử và Địa lí có thể mạnh riêng trong việc góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung của HS đã được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí – biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học – trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương, các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian, sự tương tác giữa xã hội loài người và môi trường thiên nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần hình thành, phát triển ở HS tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

Đặc điểm của môn Lịch sử và Địa lí (THCS) còn thể hiện ở các tính chất đặc trưng của chương trình. Đó là tính dân tộc, nhân văn; tính hệ thống, tính cơ bản; tính khoa học và tính hiện đại; tính thực hành; tính mở và tính liên thông.

1. Tính dân tộc, nhân văn. Chương trình môn học hướng HS tới nhận thức đúng về những giá trị truyền thống của dân tộc, giúp HS hình thành, phát triển những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam và những giá trị phổ quát của công dân toàn cầu. Chương trình giúp HS có nhận thức đúng về chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính, về vị thế của quốc gia – dân tộc trong khu vực và trên thế giới trong các thời kì lịch sử. Chương trình giúp HS hình thành, phát triển các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, loại bỏ các định kiến, kì thị về xã hội, văn hóa, sắc tộc, tôn giáo, hướng tới các giá trị khoan dung, nhân ái, tôn trọng sự khác biệt, hòa giải, hòa hợp và hợp tác. Chương trình giúp HS có thái độ đúng đắn, tích cực đối với các vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững; đấu tranh vì xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh, vì sự bình đẳng giữa các dân tộc, các cộng đồng người.

2. Tính hệ thống, tính cơ bản. Trong nội dung giáo dục lịch sử, tính hệ thống thể hiện trước hết ở logic trình bày các chủ đề. Những kiến thức thông sử về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam được trình bày trong mối liên hệ lịch đại và đồng đại, sự tương tác giữa lịch sử Việt Nam với lịch sử khu vực và lịch sử thế giới, sự tiếp nối và thay đổi của tiến trình lịch sử. Tính cơ bản thể hiện ở việc bảo đảm cho HS tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng; giúp HS xây dựng năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng tri thức lịch sử vào cuộc sống.

Trong nội dung giáo dục địa lí, tính hệ thống thể hiện ở logic kiến thức được phân bổ cho từng lớp: Lớp 6 là về địa lí đại cương; lớp 7 là về địa lí các châu lục; lớp 8 là về địa lí tự nhiên Việt Nam và lớp 9 là về địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam. Các kiến thức cơ bản có liên quan đến nhau, được trình bày có trước, sau thuận lợi cho hoạt động nhận thức của HS. Chẳng hạn, những khái niệm về địa lí tự nhiên đại cương ở lớp 6 chỉ được trang bị một phần để HS có thể học được các kiến thức về địa lí các châu lục; những khái niệm này tiếp tục được phát triển khi HS học về địa lí châu lục và địa lí Việt Nam. Tính cơ bản thể hiện ở việc HS được trang bị các kiến thức thiết yếu, gần gũi với nhu cầu hiểu biết và cuộc sống của các em, đồng thời tạo cơ sở cho việc HS có thể tiếp tục học thêm ở bậc THPT.

3. Tính khoa học và tính hiện đại. Những nền tảng của khoa học lịch sử và khoa học địa lí tạo cơ sở vững chắc cho tính khoa học (về chuyên ngành) của chương trình môn học. Chương trình môn học thể hiện sự kết hợp những thành tựu hiện đại của khoa học lịch sử, khoa học địa lí và khoa học giáo dục. Chương trình coi trọng việc hình

thành và phát triển tư duy lịch sử và tư duy địa lí, và trong khuôn khổ của môn học, hình thành tư duy không gian–thời gian, gắn kết địa lí và lịch sử, giúp HS có tư duy biện chứng về các sự vật, hiện tượng và các quá trình trong tự nhiên và trong xã hội.

4. *Tính thực hành.* Tính thực hành của chương trình thể hiện ở việc coi trọng việc trang bị cho HS kĩ năng sử dụng các công cụ của địa lí và lịch sử trong tìm hiểu tự nhiên và xã hội. Chương trình coi trọng các bài tập thực hành lịch sử và địa lí, liên hệ với thực tiễn. Phần thực hành được tăng cường về thời lượng, đa dạng về loại hình bài tập, về hoạt động giáo dục. Thông qua thực hành, HS học được cách “làm lịch sử” và “làm địa lí”.

5. *Tính mở và tính liên thông.* Đây là một đặc điểm quan trọng, được nhấn mạnh trong thiết kế chương trình. Tính mở tạo cơ hội để HS phát triển các kiến thức và kĩ năng liên môn. Tính mở tạo điều kiện kết hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội để nâng cao chất lượng dạy học, đồng thời cho phép thực hiện mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương, đối tượng HS. Tính mở cũng tạo điều kiện cho các tác giả sách giáo khoa phát huy tính sáng tạo, có thể đưa ra nhiều bộ sách giáo khoa để đáp ứng mục tiêu và các yêu cầu cần đạt được xác định trong chương trình. Tính liên thông thể hiện ở việc xác định rõ vị trí của môn học trong chương trình giáo dục của cấp học, cũng như sự liên thông với cấp trung học phổ thông và yêu cầu đào tạo nghề nếu HS được phân luồng đi học nghề sau THCS.

3. Quan hệ với môn học/hoạt động giáo dục khác

Môn Lịch sử và Địa lí, với đặc điểm liên ngành của các khoa học nền tảng của môn học là lịch sử và địa lí, nên có mối quan hệ rất rộng với các môn học khác.

- Đối với Ngữ văn: HS học cách đọc hiểu các văn bản có nội dung địa lí, từ việc nắm ý chính, hiểu các khía cạnh địa lí được hàm chứa trong văn bản, đến việc tóm tắt nội dung của văn bản, đưa ra ý kiến riêng của mình.

- Đối với môn Toán: HS học cách xử lí các số liệu thống kê, vẽ và phân tích các biểu đồ phản ánh diễn biến của các quá trình (tự nhiên, kinh tế - xã hội) hay sự phân phối một đại lượng thống kê nào đó.

- Đối với môn Khoa học tự nhiên: môn Khoa học tự nhiên cung cấp những kiến thức cơ bản về vật lý, hóa học, sinh học, để HS lĩnh hội được một cách sâu sắc những vấn đề về môi trường, để có thể lí giải được ở trình độ hiểu biết ở THCS về cơ chế hình thành và hoạt động của nhiều quá trình trong thiên nhiên, về các hiện tượng tự nhiên và về cách con người cần tôn trọng các quy luật tự nhiên trong khi tác động vào thiên nhiên vì các lợi ích kinh tế.

- Đối với môn Tin học: HS thông qua việc thực hiện các bài tập, các dự án của môn học sẽ mở rộng thêm tầm hiểu biết và các kĩ năng ứng dụng CNTT&TT trong các môn học, với những kĩ năng rất đặc thù của Lịch sử và Địa lí.

- Đối với môn Giáo dục công dân, môn Lịch sử và Địa lí có quan hệ rất trực tiếp trong việc giáo dục các giá trị nhân văn, tình yêu quê hương, đất nước, thái độ trân trọng đối với tự nhiên, đối với các thành quả lao động của con người, các giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại. Sự kết hợp giữa giáo dục lịch sử và địa lí với giáo dục công dân giúp hình thành một cách vững chắc cách ứng xử đúng mực của HS trong thực tế đời sống.

- Đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh, môn Lịch sử và Địa lí có quan hệ hỗ trợ cho giáo dục quốc phòng và an ninh, do HS có nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, biển đảo của Tổ quốc.

Ngoài ra, môn Lịch sử và Địa lí còn góp phần giáo dục thẩm mỹ cho HS trước những giá trị thẩm mỹ của thiên nhiên, văn hóa, thông qua việc HS tiếp xúc với các nguồn tư liệu phong phú khác nhau về các nước trên thế giới, về các vùng miền của đất nước.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở tuân thủ các quy định trong Chương trình tổng thể, đồng thời nhấn mạnh một số quan điểm sau:

1. Chương trình hướng tới hình thành, phát triển ở HS tư duy khoa học, nhìn nhận thế giới như một chỉnh thể theo cả chiều không gian và chiều thời gian trên cơ sở những kiến thức cơ bản, các công cụ học tập và nghiên cứu lịch sử, địa lí; từ đó, hình thành và phát triển các năng lực đặc thù và năng lực chung, đặc biệt là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn và khả năng sáng tạo.

2. Chương trình kế thừa, phát huy ưu điểm của môn Lịch sử và môn Địa lí trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và tiếp thu kinh nghiệm phát triển chương trình môn học của các nước tiên tiến trên thế giới. Nội dung môn học bảo đảm trang bị cho HS tri thức phổ thông nền tảng, toàn diện, khoa học; phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lí và trình độ nhận thức của HS, có tính đến các điều kiện dạy học của nhà trường Việt Nam.

3. Nội dung giáo dục lịch sử được thiết kế theo tuyến tính thời gian, từ thời nguyên thủy qua cổ đại, trung đại đến cận đại và hiện đại; trong từng thời kì có sự đan xen lịch sử thế giới, lịch sử khu vực và lịch sử Việt Nam. Mạch nội dung giáo dục Địa lí đi từ địa lí đại cương đến địa lí khu vực và địa lí Việt Nam. Chú trọng lựa chọn các chủ đề, kết nối kiến thức và kĩ năng để hình thành và phát triển năng lực ở HS, đồng thời coi trọng đặc trưng khoa học lịch sử và khoa học địa lí.

4. Chương trình chú trọng vận dụng các phương pháp giáo dục tích cực, nhấn mạnh việc sử dụng các phương tiện dạy học, đa dạng hoá hình thức dạy học và đánh giá kết quả giáo dục nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực ở HS.

5. Chương trình bảo đảm liên thông với chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học và chương trình môn Lịch sử, chương trình môn Địa lí cấp trung học phổ thông; thống nhất, kết nối chặt chẽ giữa các lớp học, cấp học và các môn học, hoạt động giáo dục của chương trình giáo dục phổ thông.

6. Chương trình có tính mở, cho phép thực hiện mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương, đối tượng học sinh (học sinh vùng khó khăn, học sinh có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt,...).

III. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ xác định mục tiêu chương trình

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể được xây dựng dựa trên các căn cứ: Quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nhu cầu phát triển của đất nước; những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hóa Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục, quyền của thanh niên, thiếu niên và nhi đồng.

Chương trình giáo dục trung học cơ sở giúp HS phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp tiểu học; tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội; biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng; có những hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Chương trình giáo dục môn Lịch sử và Địa lí (THCS) cụ thể hóa Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đồng thời cũng cụ thể hóa mục tiêu của chương trình giáo dục trung học cơ sở.

2. Mục tiêu cụ thể của chương trình

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở hình thành, phát triển ở HS năng lực lịch sử và năng lực địa lí trên nền tảng kiến thức cơ bản, có chọn lọc về lịch sử, địa lí thế giới, quốc gia và địa phương; các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hoá diễn ra trong không gian và thời gian; sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; giúp HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học lịch sử, khoa học địa lí để học tập và vận dụng vào thực tiễn; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân

tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của lịch sử thế giới và văn hoá nhân loại, khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC

1. Căn cứ xác định các yêu cầu cần đạt

- Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể;
- Các năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được chất lọc như là các năng lực nền tảng mà một người được giáo dục về lịch sử và địa lí cần có được;
- Các cấp độ nhận thức theo thang Bloom được vận dụng vào trường hợp cụ thể của môn học;
- Đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của học sinh THCS;
- Tính hệ thống trong việc hình thành và phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên môn.

Căn cứ trên các điểm kể trên để xác định các yêu cầu cần đạt, với các mức độ cần đạt thích hợp ở mỗi giai đoạn giáo dục, thậm chí ứng với mỗi chủ đề dạy học xác định.

2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và đóng góp của môn học trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho HS

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu sau: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Môn Lịch sử và Địa lí thông qua nội dung của môn học và hoạt động giáo dục, cho HS những nhận thức và tình cảm về lịch sử nhân loại, về quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc, về mối quan hệ giữa xã hội và môi trường, về sự lựa chọn các con đường phát triển của các quốc gia, về đất nước và con người Việt Nam. Từ đó bồi dưỡng các phẩm chất yêu nước, yêu quê hương, yêu thiên nhiên; xây dựng ở HS ý thức, niềm tin và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, bảo vệ di sản văn hóa nhân loại; HS biết yêu quý người lao động, tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau, rèn luyện sự tự tin, trung thực, khách quan.

3. Yêu cầu cần đạt về năng lực và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho HS

Chương trình môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở góp phần phát triển các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo).

– Năng lực tự chủ và tự học được thể hiện thông qua năng lực tư duy độc lập, tự tổ chức, quản lí các hoạt động học tập. Khả năng tự học thể hiện khi HS biết đặt ra các câu hỏi về lịch sử và địa lí; HS biết tự tìm kiếm nguồn thông tin, tri thức bổ sung; biết tổ chức thông tin thu thập được; biết phân tích thông tin lịch sử và địa lí; biết trả lời câu hỏi lịch sử và địa lí; tự mình thực hiện những nhiệm vụ được phân công khi tham quan dã ngoại, khảo sát thực địa và trong các tình huống làm việc độc lập khác.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở giúp HS hình thành và phát triển năng lực đối thoại liên văn hóa, tôn trọng sự khác biệt, hướng tới sự hòa giải và hợp tác trên cơ sở nắm được những đặc trưng của địa lí, lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam và của các dân tộc khác trong khu vực và thế giới; có thái độ tích cực trong việc góp phần chung tay giải quyết các vấn đề của xã hội và nhân loại (bảo tồn và phát triển di sản văn hóa, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ sự đa dạng sinh học, bảo vệ hòa bình và phát triển bền vững,...).

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện ở việc HS biết thực hiện các thao tác tư duy phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp trong giải quyết vấn đề; biết suy luận khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề mới, đặc biệt là những vấn đề về mối quan hệ giữa tự nhiên và xã hội loài người.

4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển năng lực đặc thù cho HS

Môn Lịch sử và Địa lí là một trong những môn học có ưu thế trong việc hình thành, phát triển năng lực khoa học, và ở mức độ nhất định, góp phần phát triển năng lực tin học cho HS.

– Năng lực khoa học được cụ thể hoá thông qua những năng lực đặc thù là năng lực lịch sử và năng lực địa lí: Học sinh hiểu và vận dụng được các khái niệm, các mối quan hệ cơ bản trong địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế – xã hội, giải thích được một số quá trình địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế – xã hội, nhận thức và giải thích lịch sử,... Học sinh có năng lực xác định chủ đề khám phá tự nhiên và xã hội; với sự trợ giúp, hướng dẫn của giáo viên, HS có thể thực hiện chủ đề đã chọn.

– Năng lực tin học được thể hiện ở việc bồi dưỡng khả năng tìm kiếm thông tin từ Internet, kĩ năng cơ bản sử dụng các phần mềm tin học văn phòng để tổ chức và lưu giữ, xử lí thông tin và trình bày bài tập địa lí và bài tập lịch sử.

Môn Lịch sử và Địa lí hình thành và phát triển ở HS năng lực lịch sử, năng lực địa lí, là biểu hiện đặc thù của năng lực khoa học.

1. Năng lực lịch sử

– *Năng lực tìm hiểu lịch sử:* Năng lực này giúp HS bước đầu nhận biết được tư liệu lịch sử, hiểu được các văn bản chữ viết, hiện vật lịch sử, tranh ảnh, biểu đồ, bản đồ,... Học sinh giải thích được nguyên nhân, sự vận động của các sự kiện, quá trình, nhân vật lịch sử; bước đầu giải thích được mối liên hệ giữa các sự kiện lịch sử, các mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử; bước đầu đưa ra những ý kiến nhận xét của mình về các sự kiện, nhân vật lịch sử.

– *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Năng lực này giúp HS bước đầu trình bày lại được các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản; xác định được các sự kiện lịch sử

trong không gian và thời gian cụ thể; trình bày được sự phát triển của các sự kiện, hiện tượng lịch sử theo thời gian.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Năng lực này thể hiện ở việc HS bước đầu có thể liên hệ những nội dung lịch sử đã học với thực tế cuộc sống.

Bảng 1: Biểu hiện năng lực lịch sử

Năng lực	Mô tả chi tiết
Tìm hiểu lịch sử	– Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình và dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. – Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử đơn giản. – Bước đầu nhận diện và phân biệt được: các loại hình tư liệu lịch sử, các dạng thức khác nhau của các nguồn tài liệu cơ bản của khoa học lịch sử, giá trị của tư liệu lịch sử trong việc tái hiện và nghiên cứu lịch sử. – Khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử đơn giản dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong các bài học lịch sử.
Nhận thức và tư duy lịch sử	– Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả có sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,... – Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử. – Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Mô tả và bước đầu trình bày được những nét chính của các sự kiện lịch sử cơ bản với các yếu tố chính về thời gian, địa điểm, diễn biến, kết quả; diễn biến các trận đánh và cuộc chiến trên lược đồ, bản đồ lịch sử. – Trình bày bối cảnh lịch sử và đưa ra nhận xét về những nhân tố tác động đến sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, quá trình lịch sử; giải thích được kết quả của sự kiện, diễn biến chính của lịch sử. – Phân tích được những tác động của bối cảnh không gian, thời gian đến các sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử. – Bước đầu giải thích được mối quan hệ giữa các sự kiện lịch sử, mối quan hệ tác động qua lại của các sự kiện, hiện tượng với hoàn cảnh lịch sử. – Trình bày được chủ kiến của mình về một số sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử,... như lập luận khẳng định hoặc phủ định các nhận định, nhận xét về một sự kiện, hiện tượng, vấn đề hay nhân vật lịch sử.

Năng lực	Mô tả chi tiết
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	– Sử dụng kiến thức lịch sử để giải thích, mô tả một số sự kiện, hiện tượng lịch sử trong cuộc sống. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để phân tích và đánh giá tác động của một sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử đối với cuộc sống hiện tại. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đồng thời giải thích các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

2. Năng lực địa lí

– *Năng lực nhận thức khoa học địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội). Trong quá trình học tập, HS từng bước phát triển tư duy không gian, có thói quen nhìn nhận các sự vật và hiện tượng trong cuộc sống theo mối quan hệ không gian – thời gian, trả lời các câu hỏi cơ bản: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? Học sinh cũng từng bước vận dụng kiến thức, kĩ năng để phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên, giữa các hiện tượng, quá trình địa lí kinh tế – xã hội cũng như giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế – xã hội.

– *Năng lực tìm hiểu địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như sử dụng các công cụ của địa lí học và tổ chức học tập ở thực địa, khai thác Internet phục vụ môn học. Trong quá trình học tập, HS từng bước có các kĩ năng khai thác tài liệu thành văn, làm việc với atlas địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ, lát cắt, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh, sử dụng các công cụ thực địa. Học sinh cũng từng bước học cách khai thác Internet có mục đích phục vụ học tập môn học.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

Bảng 2: Biểu hiện năng lực địa lí

Năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	<i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i> <i>Định hướng không gian:</i> Biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; Biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; Biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. <i>Phân tích vị trí địa lí:</i> Biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội. <i>Phân tích sự phân bố:</i> Mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí. <i>Diễn đạt nhận thức không gian:</i> Sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; Sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; Mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	<i>Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)</i> <i>Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên:</i> – Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; Mô tả được sự phân hóa của thiên nhiên các châu lục; Mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; Giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hóa thiên nhiên Việt Nam. – Sơ đồ hóa để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. – Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. <i>Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội</i> – Mô tả được sự phân hóa không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hóa. Giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hóa đó qua một ví dụ cụ thể. – Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và nhân quả trong sự phát triển và phân bố dân cư và các ngành kinh tế. – Sơ đồ hóa để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình

Năng lực	Mô tả chi tiết
	kinh tế – xã hội. – Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. <i>Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất</i> – Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. – Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. <i>Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên</i> – Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
Tìm hiểu địa lí	<i>Sử dụng các công cụ của địa lí học</i> – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam. – Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên được một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản <i>Tổ chức học tập ở thực địa</i> Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa.

Năng lực	Mô tả chi tiết
	<i>Khai thác Internet phục vụ môn học</i> Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được giáo viên giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kỹ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i> Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí. Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tiễn; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.

Các năng lực chuyên môn này được hình thành và phát triển từ thấp đến cao, đặc biệt thông qua việc HS vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã tiếp thu được vào các tình huống học tập và trong một số tình huống thực tiễn.

V. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định nội dung giáo dục của chương trình môn học

Việc xác định nội dung giáo dục môn Lịch sử và Địa lí dựa trên các căn cứ chủ yếu sau đây:

- Vị trí và đặc điểm môn học ở cấp trung học cơ sở;
- Đặc điểm tâm lí lứa tuổi và tâm lí học sư phạm của HS từ lớp 6 đến lớp 9;
- Thời lượng được quy định cho môn học này ở mỗi lớp;
- Kinh nghiệm trong thiết kế chương trình môn học Lịch sử và môn học Địa lí THCS ở trong nước và nước ngoài;
- Điều kiện dạy học ở các vùng miền của nước ta hiện nay, triển vọng cải thiện trong những năm tới.

2. Nội dung giáo dục cụ thể của chương trình môn học

2.1. Giải thích cách trình bày nội dung giáo dục của chương trình môn học

Môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng. Mức độ tích hợp được thể hiện ở ba cấp độ: tích hợp nội môn (trong từng nội dung giáo dục lịch sử và giáo dục địa lí); tích hợp nội dung lịch sử trong những phần phù hợp của bài Địa lí và tích

hợp nội dung địa lí trong những phần phù hợp của bài Lịch sử; tích hợp theo các chủ đề chung.

Mạch nội dung của phân môn Lịch sử được sắp xếp theo logic thời gian lịch sử từ thời nguyên thủy, qua cổ đại, trung đại, đến cận đại và hiện đại. Trong từng thời kì, không gian lịch sử được tái hiện từ lịch sử thế giới, khu vực đến Việt Nam để đối chiếu, lí giải, làm sáng rõ những vấn đề lịch sử.

Mạch nội dung của phân môn Địa lí được sắp xếp theo logic không gian là chủ đạo, đi từ địa lí tự nhiên đại cương đến địa lí các châu lục, sau đó tập trung vào các nội dung của địa lí tự nhiên Việt Nam, địa lí dân cư và địa lí kinh tế Việt Nam.

Mặc dù hai mạch nội dung được sắp xếp theo logic khác nhau, nhưng nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau. Bốn chủ đề chung mang tính tích hợp cao được phân phối phù hợp với mạch nội dung chính của mỗi lớp.

2.2. Định hướng nội dung giáo dục của chương trình môn học

Lớp	Lịch sử	Địa lí
Lớp 6	Tại sao cần học Lịch sử? Thời nguyên thủy Xã hội cổ đại Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X	Tại sao cần học Địa lí? Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất Trái đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất Khí hậu và biến đổi khí hậu Nước trên Trái Đất Đất và sinh vật trên Trái Đất Con người và thiên nhiên
Lớp 7	Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	Châu Âu Châu Á Châu Phi Châu Mỹ Châu Đại Dương Châu Nam Cực

Lớp 8	Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam
	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX	Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam
	Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam
	Châu Âu và nước Mỹ từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX Châu Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam Biển đảo Việt Nam
Lớp 9	Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945 Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945 Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991 Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991 Thế giới từ năm 1991 đến nay Việt Nam từ năm 1991 đến nay Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa	Địa lí dân cư Việt Nam Địa lí các ngành kinh tế Sự phân hóa lãnh thổ Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo

Có 4 chủ đề tích hợp, được thiết kế theo các lớp như sau:

Chủ đề	Lớp			
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Các cuộc đại phát kiến địa lí		×		
Đô thị: lịch sử và hiện tại		×		×
Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long			×	×
Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông			×	×

Thời lượng thực hiện chương trình là 105 tiết/lớp/năm, dạy học trong 35 tuần.

Phân bổ thời lượng cho các mạch nội dung lớn (tính theo tỉ lệ %) như sau:

Mạch nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Toàn cấp
Địa lí	45	42	41	40	42
Địa lí tự nhiên đại cương	45				11
Địa lí các châu lục		42			11
Địa lí tự nhiên Việt Nam			41		10
Địa lí kinh tế – xã hội Việt Nam				40	10
Lịch sử	45	42	41	40	42
Thế giới	22	20	20	19	20
Việt Nam	23	22	21	21	22
Chủ đề chung		6	8	10	6
Đánh giá định kì	10	10	10	10	10
Tổng số	100	100	100	100	100

Lịch sử địa phương và địa lí địa phương là nội dung quan trọng trong chương trình môn Lịch sử và Địa lí. Nội dung và thời lượng về lịch sử địa phương và địa lí địa phương do các địa phương chủ động thiết kế theo hướng dẫn riêng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong phạm vi nội dung giáo dục địa phương.

LỚP 6

Ở lớp 6, HS lần đầu tiên được học Lịch sử và Địa lí một cách tương đối hệ thống. Do vậy, để tạo tâm thế tốt cho HS, trong chương trình có các bài mở đầu: Tại sao cần học Địa lí? Tại sao cần học Lịch sử?

Nội dung giáo dục địa lí được thiết kế thành các chủ đề. Chủ đề *Bản đồ: Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất* có nội dung về các yếu tố cơ bản của bản đồ; các loại bản đồ thông dụng; lược đồ trí nhớ. So với chương trình hiện hành, lược đồ trí nhớ là nội dung mới, gắn liền với việc HS nhận thức không gian như thế nào, sự gắn kết của cá nhân với không gian thông qua các sinh hoạt đời thường. Trong chủ đề *Trái Đất - Hành tinh trong hệ Mặt Trời* kiến thức cơ bản là về vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời; hình dạng, kích thước Trái Đất; chuyển động của Trái Đất và các hệ quả địa lí chính. Sau đó, HS được học các chủ đề về các địa quyển: *Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất; Khí hậu và biến đổi khí hậu; Nước trên Trái Đất; Đất và sinh vật trên Trái Đất*. Trong khi học mỗi chủ đề, các câu hỏi cơ bản của địa lí: Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? luôn được chú ý. Vì thế, chương trình coi trọng việc hình thành và phát triển kỹ năng sử dụng bản đồ, việc miêu tả các hiện tượng và quá trình địa lí và việc giải thích vừa với tầm hiểu biết của HS. Kết thúc nội dung giáo dục địa lí ở lớp 6 là chủ đề *Con người và thiên nhiên*. Điểm mấu chốt của chủ đề này là ở mối tác động qua lại giữa thiên nhiên và đời sống con

người, tại sao cần bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên. Chủ đề này có vai trò như cầu nối với nội dung ở lớp 7 và các lớp sau nữa.

Nội dung Lịch sử bao quát thời gian từ thời kì nguyên thủy đến thế kỉ X (ở Việt Nam là đến đầu thế kỉ X). Chủ đề *Thời nguyên thủy* đề cập đến 3 nội dung chính là nguồn gốc loài người, xã hội nguyên thủy, sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. Chủ đề *Xã hội cổ đại* đề cập đến các nền văn minh cổ đại là Ai Cập và Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp và La Mã. Khi học về mỗi nền văn minh, HS đều được hiểu khái quát về bối cảnh địa lí, sự hình thành và hưng thịnh của nền văn minh cũng như di sản của nền văn minh đó đóng góp cho sự tiến bộ của nhân loại. Đây chính là một chủ đề hấp dẫn khơi dậy tính tò mò của HS và có sự kết nối địa lí lịch sử. Tiếp theo dòng địa lí lịch sử, HS được học về khu vực Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X; HS bước đầu tìm hiểu về tiến trình lịch sử ra đời, phát triển của một số quốc gia Đông Nam Á, về sự tiếp biến văn hóa, với việc thu nhận ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa. Tiếp đến là chủ đề *Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước Công nguyên đến đầu thế kỉ X*, với các nội dung về thời kì Văn Lang – Âu Lạc, thời kì Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc. Bên cạnh chủ đề về Văn Lang, Âu Lạc là chủ đề giới thiệu về hai vương quốc là Champa và Phù Nam.

LỚP 7

Về nội dung giáo dục địa lí, HS được học về các châu lục: *châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương, châu Nam Cực*. Trong chương trình hiện hành, châu Phi được học trước tiên, nhưng ở chương trình này châu Âu được học trước, đó là do ý đồ muốn đặt các nội dung giáo dục địa lí và lịch sử được cạnh nhau đối với chủ đề về châu Âu.

Cấu trúc nội dung chung của phần địa lí các châu lục là: vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của châu lục; đặc điểm tự nhiên của châu lục (địa hình, khí hậu, thủy văn, các đới thiên nhiên); đặc điểm dân cư và xã hội; phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên. Tùy theo từng châu lục, mà chọn thêm nội dung đặc thù. Chẳng hạn, ở chủ đề châu Âu có khái quát về Liên minh châu Âu; ở chủ đề châu Á có nội dung về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á; ở chủ đề châu Phi có khái quát về Nam Phi; ở chủ đề châu Mỹ có nội dung về các trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ, vấn đề rừng Amazon; ở chủ đề châu Đại Dương nội dung chủ yếu về lục địa Australia; ở chủ đề châu Nam Cực có vấn đề về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.

Nội dung giáo dục lịch sử về cơ bản bao quát thời kì trung đại. Tuy nhiên, việc phân kì có khác nhau khi xem xét lịch sử các khu vực và lịch sử Việt Nam. Quan điểm về giáo dục Lịch sử là coi trọng nội dung về lịch sử văn minh nhân loại, coi trọng các

nội dung về lịch sử chính trị, kinh tế, văn hóa. Ở chủ đề *Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI* có các nội dung phản ánh các dấu mốc lịch sử chính của thời kì này, đó là: Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu; Các cuộc phát kiến địa lí; Văn hóa Phục hưng; Cải cách tôn giáo; Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại. Ở chủ đề *Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX* HS tìm hiểu các nét cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, những thành tựu cơ bản về văn hóa của Trung Quốc dưới các triều đại Đường, Minh, Thanh. Ở chủ đề *Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX* có ba nội dung chính: vương triều Gupta, vương triều Hồi giáo Delhi, đế quốc Mogul. Ở chủ đề *Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI*, sau khi tìm hiểu khái quát về khu vực Đông Nam Á, HS học về hai vương quốc láng giềng là Vương quốc Campuchia và Vương quốc Lào. Về lịch sử dân tộc, HS học chủ đề *Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI*. HS được nghiên cứu về lịch sử của Việt Nam thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (968 – 1009), thời Lý (từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII), thời Trần – Hồ (từ thế kỉ XIII đến đầu thế kỉ XV), về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) và Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527), về vùng đất phía nam thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Ở lớp 7 bắt đầu có các chủ đề chung, với các nội dung tương thích với nội dung chính. Đó là chủ đề *Các cuộc đại phát kiến địa lí và Đô thị: Lịch sử và hiện tại (phần 1)*. Mặc dù trong chủ đề *Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI* đã có nội dung về các cuộc phát kiến địa lí, nhưng do các cuộc đại phát kiến địa lí có ý nghĩa hết sức to lớn về mặt lịch sử giao thương trên thế giới, diễn ra trong một giai đoạn lịch sử quan trọng của sự phát triển chủ nghĩa tư bản, đánh dấu mở đầu quá trình toàn cầu hóa trong lịch sử nhân loại, có tác động lâu dài về nhiều mặt, nên chủ đề này đã được thiết kế riêng, kích thích sự ham hiểu biết của HS. Chủ đề *Đô thị: Lịch sử và hiện tại* được cấu tạo thành hai chủ đề nhỏ hơn. Ở *Đô thị: Lịch sử và hiện tại (phần 1)* HS tìm hiểu về các đô thị cổ đại và các nền văn minh cổ đại; các đô thị trung đại châu Âu và giới thương nhân (tương ứng với các thời đại lịch sử); đô thị và đô thị hóa (khi học địa lí các châu lục). Học sinh cũng được nghiên cứu về một số xu hướng đô thị hóa trên thế giới (châu Âu, châu Á, châu Mỹ).

LỚP 8

So với Chương trình hiện hành, thời lượng về địa lí tự nhiên Việt Nam được tăng lên gấp đôi (từ 1 học kì lên 2 học kì, với 1,5 tiết/tuần), đảm bảo việc tăng cường học tập địa lí Tổ quốc. Các chủ đề về địa lí tự nhiên Việt Nam là: *Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam, Đặc điểm địa hình và khoáng sản Việt Nam, Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam, Đặc điểm thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam, Biển đảo Việt Nam*. HS nghiên cứu về các đặc điểm của từng thành phần của tự nhiên Việt Nam, mà đặc điểm có tính bao trùm là trên nền của địa hình 3/4 diện tích là đồi núi, chủ yếu là

đồi núi thấp và trung bình, 1/4 diện tích là đồng bằng, với hai đồng bằng lớn và chuỗi đồng bằng nhỏ hẹp ven biển, một thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hóa đa dạng đã và đang tồn tại, biến đổi. Việc khai thác kinh tế cần phải tính đến đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam trong bối cảnh của biến đổi khí hậu.

Nội dung dạy học Lịch sử ở lớp 8 rất phong phú, với nhiều chủ đề, trải từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX. Đó là Châu Âu và Bắc Mỹ từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII; Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX; Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII; Châu Âu và nước Mỹ từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX; Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX; Châu Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX; Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Trong mạch nội dung về lịch sử thế giới, HS tìm hiểu về các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu trên thế giới, quá trình thực dân hóa ở Đông Nam Á, về châu Âu và Bắc Mỹ trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản phát triển thành chủ nghĩa đế quốc, mà đỉnh điểm là cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất và Cách mạng Tháng Mười Nga 1917. Về lịch sử châu Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, mạch nội dung tập trung vào Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Đông Nam Á. HS cũng được tìm hiểu về cuộc cách mạng công nghiệp, về các thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX và tác động của chúng đến tiến trình lịch sử nhân loại. Trong mạch nội dung về lịch sử Việt Nam, ở chủ đề Việt Nam từ đầu thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII HS học về xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn; Những nét chính trong quá trình mở cõi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII; Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII; Phong trào Tây Sơn; Kinh tế, văn hóa trong các thế kỉ XVI – XVIII. Những nét chính về quá trình mở cõi có tính địa lí lịch sử rất rõ nét; GV có thể tích hợp ở đây những phân tích cả về địa lí và lịch sử. Nội dung về Phong trào Tây Sơn có vị trí quan trọng trong chủ đề này, đề cập đến những trang lịch sử hào hùng của dân tộc nửa cuối thế kỉ XVIII. Chủ đề Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX đề cập đến lịch sử dân tộc trong giai đoạn nhà Nguyễn thịnh trị (nửa đầu thế kỉ XIX), cuộc xâm lược của thực dân Pháp và các cuộc đấu tranh chống Pháp cho đến khoảng Chiến tranh thế giới thứ Nhất, cũng là thời gian diễn ra cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp ở Đông Dương.

Ở lớp 8 cũng có 2 chủ đề chung, đó chủ đề Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (phần 1) và chủ đề Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (phần 1). HS tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển châu thổ, chế độ nước của các dòng sông chính, quá trình con người khai khẩn và cải tạo, chế ngự tự nhiên cũng như thích ứng với môi trường thiên nhiên, từ đó hình thành nên các nền văn hóa đặc sắc ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long. HS cũng nghiên cứu về quá trình các chúa Nguyễn và các vua Nguyễn thực thi chủ quyền đối

với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, những bằng chứng về quá trình này, khẳng định “Biển là không gian sinh tồn của dân tộc Việt”.

Điều đáng chú ý là ở lớp 8, HS đã có tư duy lịch sử và tư duy địa lí được phát triển hơn, nên có nhiều vấn đề đòi hỏi HS phải phân tích, đánh giá.

LỚP 9

Ở lớp 9, nội dung về địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam được tổ chức thành 4 chủ đề chính là Địa lí dân cư Việt Nam; Địa lí các ngành kinh tế; Sự phân hóa lãnh thổ; Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo. Ở mức cấu trúc chương trình, không có khác biệt lớn so với chương trình hiện hành. Tuy nhiên, trong lựa chọn nội dung đã có nhiều thay đổi, nhằm phản ánh sát hơn những chuyển biến về kinh tế - xã hội của đất nước, của từng vùng lãnh thổ, những xu hướng mới và những vấn đề của phát triển bền vững.

Nội dung về lịch sử đề cập đến giai đoạn từ năm 1918 đến nay. Trong mạch nội dung về lịch sử thế giới, có các chủ đề: Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945, Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991, Thế giới từ năm 1991 đến nay, Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa. Sự phân kì này không chỉ phù hợp với tiến trình lịch sử thế giới hiện đại, mà còn phù hợp với những giai đoạn chính trong lịch sử Việt nam từ 1918 đến nay. Mạch lịch sử Việt Nam có các chủ đề: Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945, Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991, Việt Nam từ năm 1991 đến nay. Sự đan xen các chủ đề đồng đại giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam cho HS hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa các biến cố lịch sử, giữa tiến trình lịch sử đất nước với tiến trình lịch sử chung của nhân loại.

Ở lớp 9 có 3 chủ đề chung, đó là chủ đề Đô thị: Lịch sử và hiện tại (phần 2), chủ đề Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (phần 2) chủ đề Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (phần 2). Ở chủ đề Đô thị: Lịch sử và hiện tại (phần 2) HS được học sâu hơn về đô thị hóa trên thế giới, hiểu được rằng các đô thị hiện đại là nơi tập trung quyền lực và các nguồn lực phát triển; do vậy, đô thị hóa trên thế giới đã tạo ra động lực mạnh mẽ của sự phát triển, nhưng đô thị hóa không phù hợp có thể làm tăng thêm sự bất bình đẳng trong phát triển vùng. Học sinh được nghiên cứu về đô thị hóa ở Việt Nam, thấy rằng việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thúc đẩy đô thị hóa tăng tốc. Ở chủ đề Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (phần 2) HS có thể hiểu được là tại sao ở đồng bằng sông Hồng người dân chọn việc đắp đê, trị thủy kết hợp thủy lợi (dẫn thủy nhập điền); còn ở đồng bằng sông Cửu Long lại chọn chung sống với lũ, cùng nhiều vấn đề khác về sự khác biệt của hai nền văn minh châu thổ. Học sinh có dịp tìm hiểu, quan tâm đến tác động của biến đổi khí hậu đến hai vùng châu thổ, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, và suy nghĩ về các giải pháp ứng

phó với biến đổi khí hậu ở hai đồng bằng này. Ở chủ đề Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông (phần 2) HS được nghiên cứu tiếp về quá trình thực thi chủ quyền đối với các vùng biển và hải đảo Việt Nam thời hiện đại. Ở góc độ địa lí, HS có các khái niệm cơ bản về các vùng biển và thềm lục địa mà Việt Nam khẳng định chủ quyền, quyền chủ quyền, đặc quyền kinh tế, theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (UNCLOS) và Luật biển Việt Nam; vai trò chiến lược của hệ thống đảo nước ta trong việc khẳng định chủ quyền và quyền chủ quyền vùng biển và thềm lục địa; cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền biển đảo; vai trò của kinh tế biển trong nền kinh tế Việt Nam hiện đại và trong việc phát huy chủ quyền biển đảo.

2.3. Kế thừa ưu điểm chương trình hiện hành trong chương trình môn học

Trong thiết kế nội dung chương trình môn học, mạch nội dung của môn Lịch sử và môn Địa lí trong chương trình hiện hành đã được đánh giá lại, sàng lọc, phân tích các điểm không còn phù hợp với quan điểm phát triển chương trình mới để thay đổi.

Đối với nội dung giáo dục lịch sử, trước đây phân ra hai mạch tách biệt: lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam, ở mỗi mạch này lại có sự trình bày theo logic thời gian, từ thời nguyên thủy, đến cổ đại, trung đại và hiện đại. Trong chương trình mới, theo chiều lịch đại, lịch sử Việt Nam được đặt trong bối cảnh của lịch sử thế giới và khu vực.

Đối với nội dung giáo dục địa lí, trong chương trình hiện hành, có sự bắc cầu trong bố trí chương trình của các lớp. Địa lí tự nhiên đại cương được dạy ở lớp 6 (1 tiết/tuần) và sang học kì 1 lớp 7 (2 tiết/tuần). Địa lí các châu lục được dạy ở học kì 2 lớp 7 (2 tiết/tuần) và học kì 1 lớp 8 (1,5 tiết/tuần). Địa lí tự nhiên Việt Nam chỉ được học ở học kì 2 lớp 8 (1,5 tiết/tuần). Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam được dạy ở lớp 9. Trong chương trình mới, thời lượng được bố trí đều mỗi năm học (1,5 tiết/tuần). Lớp 6 dành cho Địa lí tự nhiên đại cương; lớp 7 - Địa lí các châu lục, lớp 8 - Địa lí tự nhiên Việt Nam, lớp 9 - Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam. Như vậy, HS được học nhiều hơn, cơ bản hơn về Địa lí Việt Nam, cân đối cả địa lí tự nhiên và địa lí kinh tế - xã hội.

2.4 Tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài trong chương trình môn học

Chương trình môn học đã tiếp thu một cách có chọn lọc, có sự tiếp biến hợp lí các kinh nghiệm phát triển chương trình của các nước có nền giáo dục tiên tiến vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Ban soạn thảo CT đã tham khảo các chương trình Lịch sử và Địa lí như là môn độc lập (của Anh, Thụy Điển, CHLB Đức, Xingapo, Hoa Kỳ,...), chương trình môn Lịch sử và Địa lí (như là một môn học trong nhà trường) của Pháp, bang Ontario (Canada), chương trình môn Lịch sử và khoa học xã hội, chương trình môn Nghiên cứu xã hội của một số bang của Hoa Kỳ.

VI. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định phương pháp giáo dục của chương trình môn học

- Phương pháp giáo dục của chương trình được xác định trên cơ sở quán triệt mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt được xác định trong chương trình môn học.

- Phương pháp giáo dục được xác định dựa trên bản chất của quá trình dạy học, theo quan điểm hướng về người học (còn gọi là “lấy người học làm trung tâm”). Phương pháp giáo dục phải phát huy được tính tích cực của HS, giúp HS kiến tạo nên kiến thức của mình.

- Phương pháp giáo dục được xác định dựa trên cơ sở tâm lí học dạy học, đồng thời dựa trên việc tiếp thu, vận dụng và phát triển các phương pháp giáo dục tiên tiến đã và đang được áp dụng trong nhà trường trên thế giới và khu vực.

- Phương pháp giáo dục của chương trình được xác định trên cơ sở tôn trọng bản chất khoa học của Lịch sử và Địa lí, những kinh nghiệm của thế giới trong phát triển chương trình và phương pháp giáo dục Lịch sử và giáo dục Địa lí.

- Phương pháp giáo dục của chương trình còn được xác định căn cứ trên thực tiễn dạy học các môn Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở trong những năm gần đây: những phương pháp và kĩ thuật dạy học mới, những thành công và bất cập, những điều kiện cơ sở vật chất đã được cải thiện nhưng chưa đồng đều giữa các vùng miền, các địa phương.

2. Phương pháp giáo dục của chương trình môn học

2.1 Định hướng chung

- Phương pháp giáo dục đề cao vai trò chủ thể học tập của HS, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tập trung rèn luyện năng lực tự học, bồi dưỡng phương pháp học tập để HS có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn văn hóa cần thiết cho bản thân; rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phương pháp giáo dục của chương trình khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể.

- Kết hợp nhiều phương pháp dạy học trong một bài học: Phối hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của HS với việc tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tiên tiến đề cao vai trò chủ thể học tập của HS (thảo luận, tranh luận, đóng vai, dự án,...). Chú trọng các phương pháp dạy học có tính đặc trưng cho bộ môn.

- Sử dụng hợp lí và có hiệu quả các thiết bị dạy học: Cần từng bước trang bị và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử, trong đó chú trọng các loại hình: mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,...; bản đồ, sơ đồ, các bản thống kê, so sánh,...; phim video; các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; phần mềm dạy

học,... Việc sản xuất và sử dụng các thiết bị dạy học Lịch sử một mặt giúp minh họa bài giảng của giáo viên, mặt khác, chủ yếu hơn, nhằm tạo các nguồn sử liệu phong phú, cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh và giàu sức thuyết phục; trên cơ sở đó tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử của HS một cách tích cực, sáng tạo.

- Đa dạng hóa và sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, học ngoài thực địa, học theo dự án học tập,... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học Lịch sử và Địa lí.

2.2. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với những bài học khác nhau

a) Một số vấn đề chung

Dạy học là nghệ thuật và khoa học. Vì thế, muốn dạy học hiệu quả, cần hiểu được khoa học dạy học và cần rèn luyện năng lực dạy học nâng lên mức nghệ thuật dạy học. Một câu hỏi sẽ trở đi trở lại đối với người giáo viên khi dạy học chương trình mới là dạy học nhằm phát triển năng lực HS khác với dạy học hướng tới việc làm giàu tri thức của người học ở chỗ nào? Trả lời câu hỏi này không đơn giản, bởi vì cùng một tư liệu học tập, có thể dạy nhằm phát triển năng lực, mà cũng có thể nhằm phát triển tri thức. Dừng ở mức độ này, tổ chức dạy học như thế này thì sẽ dừng lại ở trang bị kiến thức cho HS, nhưng phát triển lên một chút thôi, ta sẽ vượt qua giới hạn đó, sẽ tiến tới (ở các mức độ khác nhau) phát triển năng lực của HS.

Trong cuốn *“Tâm lý học trong giáo dục: Lí luận phê phán và thực tiễn”* do Tim Corcoran chủ biên¹, tác giả Isaac Prilleltensky có đề cập đến vấn đề *“Giáo dục cần thay đổi các cuộc đời như thế nào?”*. Theo tác giả, có hai cơ chế chính để giáo dục thay đổi các cuộc đời, đó là năng lực (competence) và sự lôi cuốn (engagement). Năng lực là nói đến kiến thức và kĩ năng và cảm giác tự tin, thành thạo và kiểm soát (Dewey, 1997; Rath & Harter, 2010; Tough, 2012; Tuckman & Monetti, 2011). Sự lôi cuốn là nói về sự tham gia tích cực vào các quá trình học tập và biến đổi (City, Elmore, & Lynch, 2012; Harter, Schmidt, & Keyes, 2003; Tough, 2012). Có một thực tế là trong giáo dục, năng lực đang bị nhường bộ do sự cắt xén chương trình học. Chẳng hạn, ở các trường công ở Hoa Kỳ, người ta chỉ chú trọng cho HS học đọc, viết và làm toán, cắt xén, hy sinh các môn khác để bảo đảm HS có thể vượt qua các kỳ thi ủy nhiệm cấp quốc gia (state-mandated exams). Trong khi đó, ở các trường công của Canada, Australia HS được cung cấp một chương trình học phong phú, toàn diện hơn,... Khó có thể hình thành năng lực về các môn khoa học xã hội, khoa học nhân văn, lịch sử, địa lí, khi HS chỉ tập trung vào các môn cơ bản (sách đã dẫn, tr. 24).

¹ *Psychology in Education: Critical Theory ~ Practice*, Edited by Tim Corcoran, Sense Publishers, 2014.

Trong dạy học Địa lí, HS thường xuyên được cập nhật kiến thức mới. Hầu hết các bài học Địa lí đều có kiến thức mới. Vì thế, GV cần làm sao để thúc đẩy sự tương tác của HS đối với kiến thức mới, giúp HS thực hành và hiểu sâu sắc hơn kiến thức mới. Những chỉ dẫn này rất bao quát và cũng rất cụ thể trong cuốn sách của Robert J. Marzano (2007) “*Nghệ thuật và khoa học dạy học: Khung lí thuyết toàn diện để dạy học hiệu quả*”².

Theo nhiều nhà tâm lý học nhận thức, GV cần hướng HS tới những khía cạnh về tầm quan trọng của kiến thức mới, cũng như giúp đỡ HS dễ dàng xử lí nội dung mới. GV thường sử dụng các kinh nghiệm mà HS đã có, nâng các kinh nghiệm mà HS có thành những thông tin đầu vào cần có tư duy phản biện (Critical-Input Experiences). GV có thể cho HS xem một đoạn video, đọc một đoạn văn, hoặc diễn giảng một tình huống kịch tính. GV có thể cho HS “xem trước” (preview) hoạt động học tập trước khi trình bày nội dung chính. GV cũng có thể dẫn dắt HS từng bước nhỏ để có thể “tiêu hóa” được nội dung mới.

Một trong những “chiến lược” hay được sử dụng là K-W-L, chẳng hạn khi đọc một đoạn văn (một chủ đề).

- Know: HS **biết** gì hoặc cho rằng mình đã biết gì?
- Want to know/ Wonder: HS **muốn biết** điều gì?
- Learned: HS **học được** gì?

GV dùng tờ giấy A4, lập ra K-W-L Chart, theo mẫu như sau. Việc hoàn thiện nội dung của bảng có thể là nhiệm vụ học tập của một nhóm học tập.

CHỦ ĐỀ.....

K (điều đã biết)	W (điều muốn biết)	L (điều học được)

Cột đầu tiên (Điều đã biết): HS ghi vào *những thuật ngữ* liên quan đến đoạn văn mà mình đã biết. GV động viên, khích lệ HS ghi ra tất cả những gì mình liên tưởng, cho rằng có liên quan đến nội dung đoạn văn (chủ đề).

Cột thứ hai (Điều muốn biết): HS viết ra *dưới dạng các câu hỏi* thể hiện điều mình muốn biết. Đó cũng là những ý tưởng của đoạn văn (chủ đề). GV có thể gợi ý cho HS, nhưng phần lớn những ý ở cột này phải do HS nghĩ ra.

Cột thứ ba (Điều học được): HS viết các *đáp án* cho các câu hỏi ở cột 2, sau khi đọc và thảo luận xong toàn bộ đoạn văn. Đó cũng chính là các khái niệm chính cần nắm vững.

² Có thể tham khảo Robert J. Marzano (2007), *The Art and Science of Teaching: A Comprehensive Framework for Effective Instruction*, Association for Supervision and Curriculum Development (ASCD), Alexandria, Virginia, USA, 234pp.

Trong trường hợp HS sử dụng các công cụ địa lí (chẳng hạn, đọc bản đồ, atlas,...) cũng có thể dùng “chiến lược” K-W-L, mà “Điều học được” có thể là các mối quan hệ qua lại hay quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng và quá trình địa lí được rút ra qua phân tích thông tin bản đồ.

Để HS lĩnh hội các kiến thức mới, GV cần lưu ý đến quá trình HS kiến tạo các kiến thức và kĩ năng. Theo lí luận tâm lí học nhận thức của Jean Piaget (1971), có hai kiểu phát triển tri thức: đồng hóa và điều ứng. Piaget miêu tả quá trình đồng hóa là quá trình tích hợp dần dần kiến thức mới vào trong một cơ sở kiến thức đang tồn tại của người học. Quá trình điều ứng là một quá trình thay đổi căn bản hơn về kiến thức. Quá trình này bao gồm việc thay đổi các cấu trúc tri thức đang có như là đối lập với việc đơn thuần cộng thêm kiến thức cho các cấu trúc này. Đối với điều ứng, sự tương tác với nội dung cần thách thức các nhận thức hiện có.

Phương pháp dạy học Lịch sử chỉ đạt được hiệu quả khi việc học tập trở thành quá trình tìm kiếm sự thật lịch sử. Học sinh được hướng dẫn đọc hiểu, giải mã văn bản lịch sử thông qua các kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,... để từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự tiến hóa của sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử cũng như quá trình phát triển của lịch sử nói chung. Học sinh cần được trang bị phương pháp tự học, được dạy cách khai thác các nguồn sử liệu, xác minh thông tin, cách phân tích sự kiện, hiện tượng lịch sử và tự mình rút ra những nhận xét, đánh giá. Những điều này tạo cơ sở phát triển ở HS năng lực tự học, năng lực học lịch sử suốt đời và khả năng ứng dụng vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam và thế giới.

Thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy học đa dạng, giáo viên giúp HS phát huy năng lực sáng tạo trong học tập, trở thành “người đóng vai lịch sử”, hay “người làm lịch sử” để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống. Việc kết hợp các thành tựu của khoa học giáo dục hiện đại với việc sử dụng một cách tích cực các phương pháp nghiên cứu liên ngành là chìa khoá thành công của quá trình dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

Trong dạy học Địa lí, có thể phân biệt hai khối kiến thức cơ bản: kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết. Trong dạy học, giáo viên lựa chọn các kiến thức thực tế sao cho tiêu biểu, gây ấn tượng với HS và không đưa vào quá nhiều thông tin làm rối trí HS. Trong việc hình thành các biểu tượng địa lí, các phương tiện dạy học trực quan như mô hình, bản đồ, các video clip có vai trò quan trọng.

Các kiến thức lí thuyết (khái niệm, thuật ngữ, các mối liên hệ và quan hệ nhân quả) là phần kiến thức quan trọng nhất. Trong dạy học Địa lí cần chú trọng lựa chọn thuật ngữ và trình bày nội dung khoa học của thuật ngữ đó phù hợp với trình độ của HS.

Học sinh cần được học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội, cũng như trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường. Những tác động của thiên nhiên tới đời sống và hoạt động sản xuất của con người ở các địa phương khác nhau thường được nhấn mạnh trong dạy học Địa lí. Ngoài ra, tác động của hoạt động kinh tế tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên cần được chú ý đầy đủ hơn, nhất là trong việc tích hợp nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục vì sự phát triển bền vững trong phân môn Địa lí.

Phương pháp dạy học Địa lí cần hình thành và phát huy ở HS năng lực tư duy không gian, với các câu hỏi Cái gì? Ở đâu? Như thế nào? Các hình mẫu không gian? Các đặc trưng của một địa phương, quốc gia? Học sinh phải trực tiếp tham gia vào quá trình tìm kiếm thông tin, học cách sắp xếp kiến thức theo một logic nhất định, phát hiện các mối liên hệ và quan hệ nhân quả giữa các hiện tượng và quá trình địa lí. Phương pháp dạy học Địa lí gắn liền với việc khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu. Phương pháp dạy học Địa lí cũng gắn liền với dạy học khám phá, quan sát thực địa. Thông qua việc HS học khám phá mối quan hệ qua lại giữa môi trường địa lí và xã hội loài người mà hình thành các năng lực và thái độ liên quan đến phát triển bền vững. Phương pháp dạy học Địa lí phải khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, trên cơ sở đó hình thành năng lực tự học suốt đời và khả năng vận dụng tri thức vào cuộc sống.

Trong dạy học Địa lí cần chú ý rèn luyện khả năng sử dụng các công cụ của Địa lí học như bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, một số ứng dụng trong điện thoại thông minh như la bàn, bản đồ chỉ đường (Google Map,...), GPS (hệ thống định vị toàn cầu). Giáo viên cần tranh thủ các cơ hội phù hợp để rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, thực tế đất nước, phát triển tư duy địa lí. Trong số thiết bị dạy học tối thiểu, cần có các bản đồ giáo khoa treo tường phục vụ trực tiếp cho các nội dung tương ứng ở các lớp học, các tập Atlas Địa lí tự nhiên đại cương, Atlas Địa lí các châu lục, Atlas Địa lí Việt Nam, các tranh ảnh địa lí, các đĩa DVD tra cứu với các tài liệu đa phương thức (multimedia), các sách e-book, một số công cụ khảo sát ngoài trời như địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế,...

b) Phương pháp và hình thức dạy học cụ thể

Sử dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học truyền thống:

Cần phải nhìn nhận các phương pháp dạy học truyền thống cũng là các phương pháp dạy học hiệu quả. Những phương pháp như diễn giảng (thuyết trình), đàm thoại,... nếu được suy nghĩ vận dụng nghiêm túc, có kĩ thuật, có nghệ thuật, thì vẫn có thể dạy học tích cực. Ngôn ngữ (cả lời nói và ngôn ngữ cơ thể) là những phương tiện dạy học có thể nói là quan trọng bậc nhất của mỗi GV. Hãy quan sát các GV diễn

giảng mà hút hồn HS, các ánh mắt HS sáng lên, cũng như quan sát các GV quản lý lớp thật hiệu quả mà không khí lớp luôn thân thiện, có thể hiểu được điều đó.

Khi diễn giảng, cần chú ý về âm lượng, giọng nói phù hợp, tránh không để quá mức “lên bổng xuống trầm” HS sẽ không nghe rõ được. Phải chú ý phối hợp giữa nói và ghi tóm tắt lên bảng, để HS vừa nghe giảng vừa ghi được bài. Phải chú ý bao quát lớp học để tránh hiện tượng có HS không theo kịp bài. Kinh nghiệm cho thấy các HS không theo kịp bài dễ làm mất trật tự trong lớp.

Trong dạy học, nhiều GV trẻ thể hiện sự nhiệt tình, năng động khi diễn giảng. Điều này có thể thành công ở một số trường hợp, nhưng không phải là luôn luôn có hiệu quả. HS sẽ chóng mặt nếu luôn phải theo dõi GV diễn như thế. Trong lớp cần có các “khoảng lặng”, làm cho nhịp điệu của giờ học chậm lại, HS có thời gian suy nghĩ, lắng lại. Quá trình học tập là quá trình HS tự chiếm lĩnh kiến thức dưới sự dẫn dắt của GV, vì thế, diễn giảng cũng cần được đan xen với các phương pháp khác. Diễn giảng có thể tăng liều lượng ở các lớp trên, nhưng ít hơn ở các lớp dưới.

Khi dạy học theo phong cách thuyết trình, GV cũng cần lưu ý tương tác với HS một cách tích cực, và cần hiểu rằng, mục tiêu của bài học không dừng ở chỗ cung cấp kiến thức cho HS, mà phải giúp cho HS hiểu được các ý tưởng xuyên suốt bài học.

Việc dạy HS tóm tắt ý chính khi đọc một đoạn văn, hay tóm tắt ý tưởng khi xem một video clip là rất quan trọng để phát triển kỹ năng tư duy cho HS. Khi dạy HS đọc đoạn văn, cần dạy HS có các thao tác sau:

- Phát hiện ra các từ khóa (key words), các thuật ngữ quan trọng;
- Tìm ra mối quan hệ giữa đối tượng, hiện tượng địa lí.
- Suy luận ra ý tưởng mới từ ý tưởng của đoạn văn.
- Tìm ra ý tưởng và diễn đạt lại theo yêu cầu của nhiệm vụ hoặc theo cách hiểu của HS.

Loại bài tập cho HS đọc một đoạn văn, rồi điền vào chỗ trống trong một đoạn văn khác cần sử dụng đến các từ ngữ có trong đoạn văn mà HS vừa đọc, hoặc loại câu hỏi trắc nghiệm đọc hiểu cũng thuộc nhóm này.

Dưới đây là ví dụ trong bài minh họa (Bài *Nước ngầm*, *Băng hà* ở Địa lí 6).

Nước ngầm hình thành như thế nào?

Nước mưa hay tuyết tan, ngấm xuống đất và xuống sâu qua các tầng đá, được giữ lại trong các lỗ hổng của đất, các lỗ hổng và khe nứt của đá. Đến một độ sâu nhất định, nước ngầm được chứa đầy trong các lỗ hổng và khe nứt đó. Tầng này gọi là tầng chứa nước. Bên dưới có tầng sét hay các vật liệu mịn, đó là tầng không thấm nước. *Tầng nước ngầm nằm kẹp giữa hai tầng không thấm nước thường có áp lực lớn, nên nước có thể theo giếng phun lên mặt đất, gọi là giếng phun.*

Giếng phun do áp lực tự nhiên có tên khoa học là giếng ac-tê-di, đặt tên theo vùng Ac-toa của nước Pháp, nơi có nhiều giếng loại này.

Nhưng câu hỏi không phải là về nguồn gốc nước ngầm, mà về khái niệm nước ngầm (Yêu cầu cần đạt). Vậy HS phải cấu tạo lại các ý từ đoạn văn trên (trong bài học, đoạn văn này tương đối dài) để phát biểu dưới dạng khái niệm.

Dưới đây là một cách cấu tạo lại văn bản:

“Nước ngầm là nước được chứa trong các lỗ hổng của đất, các lỗ hổng và khe nứt của đá, do nước mưa hay tuyết tan ngấm xuống. Nước ngầm được chứa trong tầng chứa nước, và bên dưới là tầng không thấm nước”.

Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực:

Có nhiều cách diễn đạt về phương pháp dạy học tích cực, nhưng tựu chung lại là phải lôi cuốn HS vào các hoạt động học tập. HS vừa tham gia vào các hoạt động học tập (có thể là cá nhân, có thể là theo nhóm), vừa cảm thấy hứng thú, do vậy tiếp thu bài học thuận lợi hơn, ghi nhớ được sâu sắc và lâu bền hơn, khả năng vận dụng vào thực tiễn cao hơn. Về các kỹ thuật lôi cuốn HS vào hoạt động học tập, có thể tham khảo cuốn “*Lôi cuốn học sinh trong học tập tích cực: Các nghiên cứu trường hợp ở môn Địa lí, Môi trường và các môn liên quan*” do Mick Healey and Jane Roberts làm chủ biên (2004)³.

Địa lí học là môn học có nhiều khả năng để tổ chức các trò chơi phân vai (role-play), đóng kịch, tranh luận, tưởng tượng, khám phá, mô phỏng,... Khi đó còn có thể phát triển cả các kỹ năng về văn học, tính toán, CNTT&TT.

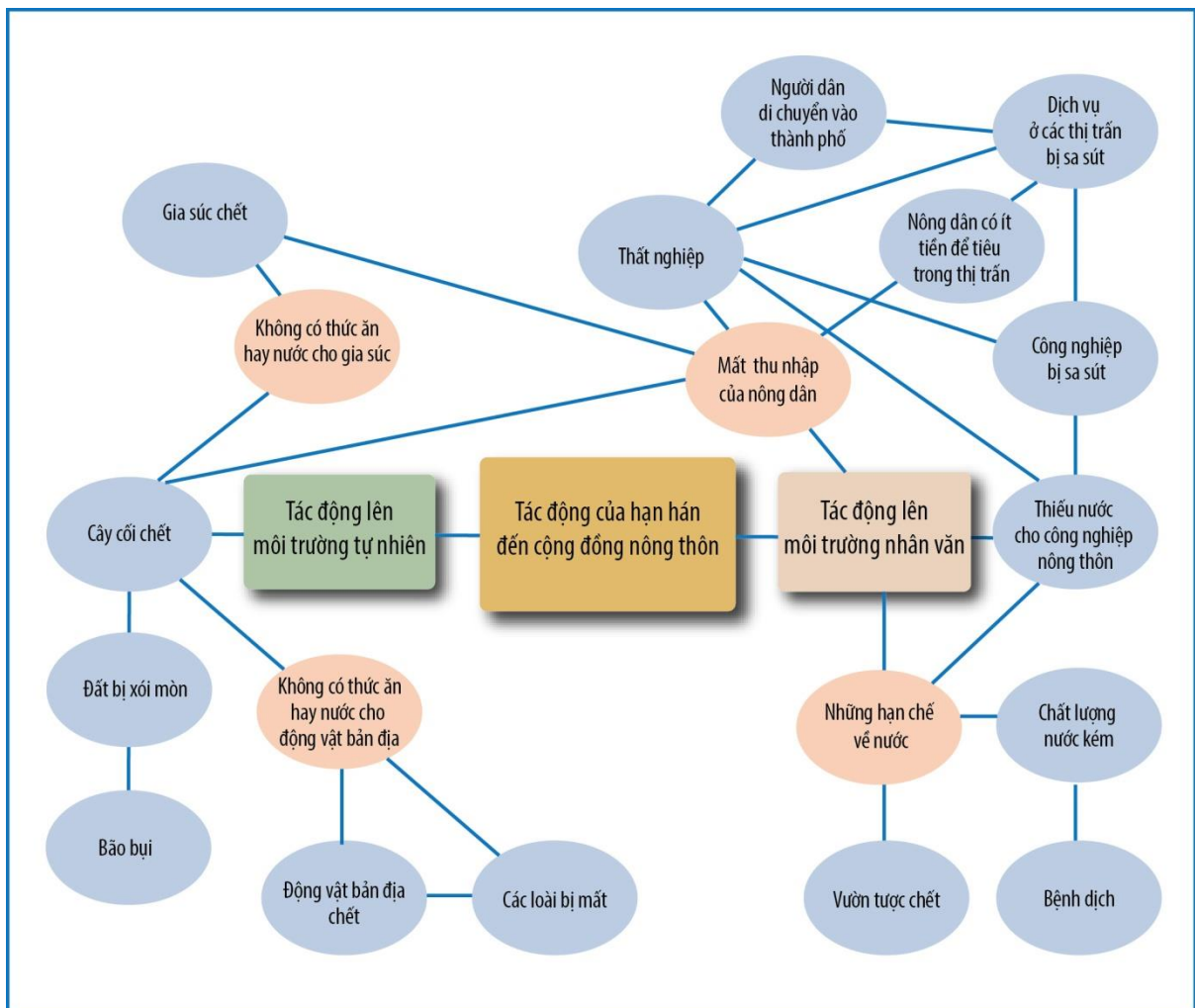
Chúng tôi muốn lưu ý GV một số kỹ thuật hay dùng:

- *Sơ đồ hóa*. Trong Địa lí, HS thường phải diễn đạt các mối quan hệ nhân – quả, các mối liên hệ và quan hệ qua lại giữa các thành phần của tự nhiên, giữa các thành phần của xã hội, giữa xã hội và môi trường; HS cũng có thể tìm hiểu vai trò của các nhân tố đối với sự phát triển và phân bố một ngành kinh tế nhất định,... Có vô số các tình huống có thể và cần ứng dụng sơ đồ hóa. Sơ đồ hóa không chỉ giúp HS tổng kết

³ “*Engaging Students in Active Learning: Case Studies in Geography, Environment and Related Disciplines*” Edited by Mick Healey and Jane Roberts, School of Environment, University of Gloucestershire, March 2004 Published by Geography Discipline Network (GDN), University of Gloucestershire, UK.

được các tri thức đã tiếp thu được, mà còn là một cách để “tư duy lại”. Đối với các sơ đồ đơn giản, HS có thể làm việc cá nhân. Đối với các sơ đồ phức tạp, có thể cần học tập theo nhóm.

- Sử dụng sơ đồ “bánh xe tương lai” (Futures Wheels) để dự đoán các hậu quả có tính dây chuyền do tác động của một hiện tượng / quá trình tự nhiên hay kinh tế - xã hội. Kỹ thuật này rèn cho HS tư duy hệ thống rất tốt. Một ví dụ thực tế về sử dụng sơ đồ “bánh xe tương lai” được giới thiệu trong cuốn SGK của Ôxtrâyliya “*Nơi chốn và thay đổi*” (*Place and Change*)⁴, trong tình huống tưởng tượng hiệu ứng của hạn hán lên một cộng đồng nông thôn. HS có thể hoàn thành sơ đồ này dựa trên tư duy logic, những cũng có thể bổ sung bằng kinh nghiệm cá nhân, hoặc từ thông tin đại chúng về tình cảnh của người dân ở vùng bị hạn hán.



Hiệu ứng của hạn hán lên một cộng đồng nông thôn (nguồn: *Place and Change*, tr.11)

- Sử dụng sơ đồ tư duy/ bản đồ tư duy (Mind Map) trong tổng kết, ôn tập và trong giải quyết vấn đề cũng như để phát triển tư duy sáng tạo. Sơ đồ tư duy (Mind Map) đã trở nên khá quen thuộc đối với nhiều giáo viên dạy học ở trường phổ thông. Tony

⁴ Raymond Pask (general editor) and al. (2000), *Place and Change* - VCE Geography Units 1-4, Geography Teachers' Association of Victoria Inc.

Buzan, với các công trình nghiên cứu về bản đồ tư duy, đã giúp các nhà giáo dục, các trí thức (lao động trí óc) phương thức để tư duy sáng tạo và hiệu quả. Công trình của Tony Buzan cùng với Barry Buzan (1994) “Sách về sơ đồ tư duy” (The Mind Map Book) là một cuốn sách bán chạy bậc nhất thế giới⁵. Raymond Keene, Đại kiện tướng cờ vua, Phóng viên môn thể thao trí tuệ của tờ Thời báo “Times” (London) đã bình luận: “Cuốn *Sách về sơ đồ tư duy* của Tony Buzan sẽ làm cho bộ não như cuốn *Lược sử thời gian* của Stephen Hawking đã làm cho vũ trụ”. Việc sử dụng sơ đồ tư duy có kết hợp sử dụng hình ảnh, có các ý tóm tắt, sẽ giúp HS:

- + Tổng quan được một tài liệu phức tạp;
- + Nắm bắt được dễ hơn các ý tưởng của nhóm học tập;
- + Giải quyết vấn đề;
- + Phát triển được tư duy sáng tạo hơn, vượt ra khỏi khuôn khổ của tài liệu gốc.

Các chuyên gia cho rằng, sơ đồ tư duy cũng là một loại phương tiện trực quan, nên nó có tác động mạnh đến HS, giúp HS huy động hoạt động của cả hai bán cầu đại não. Vì thế, với các môn học như Địa lí, ưu thế của sơ đồ tư duy là rất vượt trội⁶.

Phương pháp dạy học nêu vấn đề

Dạy học nêu vấn đề đã được nhiều nhà giáo dục học quan tâm nghiên cứu. Đây không phải là một phương pháp cụ thể mà là các tư tưởng, nguyên tắc chỉ đạo việc tiến hành nhiều phương pháp dạy học. Nó được vận dụng trong tất cả các khâu của giờ học và là một kiểu dạy học dựa trên những quy luật của sự lĩnh hội tri thức và cách thức hoạt động một cách sáng tạo, có những nét cơ bản của sự tìm tòi khoa học. Bản chất là tạo nên các tình huống có vấn đề và điều khiển người học giải quyết nó.

Dạy học nêu vấn đề bao gồm các thành tố, trình bày nêu vấn đề, tình huống có vấn đề và bài tập nêu vấn đề (bài tập nhận thức). Vận dụng các thành tố trên vào một bài học lịch sử cụ thể có cấu trúc gồm: 1 - Đặt mục đích học tập trước khi HS nghiên cứu bài mới. Ở bước này, GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề và nêu bài tập nhận thức; 2 - Tổ chức cho HS giải quyết vấn đề được thực hiện từ đề xuất, lập kế hoạch, đến thực hiện giải quyết vấn đề; 3 – Kết luận, tiến hành thảo luận kết quả, đánh giá, khẳng định hay bác bỏ giả thuyết, phát biểu kết luận, đề xuất vấn đề mới.

Ví dụ, khi dạy học bài *Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII* (lớp 8), GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề bằng cách cho HS theo dõi một video clip có nội dung phản ánh một bạn trẻ bị một nhóm người tước hết đồ dùng cá nhân và bị bắt ép thực hiện những yêu cầu phi lí. GV cho HS phát biểu cảm nghĩ về quyền con người

⁵ Tony Buzan and Barry Buzan (1994), “The Mind Map Book”, A Dutton Book. Cuốn sách này được dịch ra tiếng Việt: Tony and Barry Buzan (2008), *The Mind Map Book, Sơ đồ tư duy* (Lê Huy Lâm dịch), Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

⁶ Xem thêm Andy Leeder (2006), “100 Ideas for Teaching Geography”, Continuum International Publishing Group, London, New York.

sau khi xem đoạn clip, gợi mở vấn đề “Khi nào các quyền cơ bản của con người được khẳng định? Văn bản nào thể hiện nó? Vì sao lại có sự khẳng định các quyền ấy con người?” Để giải quyết vấn đề, GV yêu cầu HS làm việc với tư liệu “Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp” kết hợp nội dung SGK và các câu hỏi, bài tập nhận thức để HS tìm hiểu:

- Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp ra đời khi nào? Động lực gì thúc đẩy sự ra đời của bản Tuyên ngôn? (HS tìm hiểu được thời gian bùng nổ cách mạng Pháp và lí giải nguyên nhân bùng nổ cách mạng).

- Nội dung chính của Tuyên ngôn là gì (hãy tóm tắt ngắn gọn trong 1 câu văn)? (HS biết được nội dung cốt lõi của Tuyên ngôn)

- Tác giả của bản Tuyên ngôn là ai (người đó thuộc giai cấp nào trong xã hội Pháp)? Đối tượng mà bản Tuyên ngôn hướng đến là ai? (HS biết được giai cấp lãnh đạo cách mạng, lực lượng tham gia, kẻ thù, nhiệm vụ của cách mạng).

- Tuyên ngôn được viết và công bố trong hoàn cảnh nào? Tác dụng của nó trong thời điểm lịch sử ấy ra sao? (HS biết được tiến trình cách mạng diễn ra).

- Ý nghĩa của bản Tuyên ngôn đối với nhân dân Pháp và các dân tộc khác trên thế giới? Chủ tịch Hồ Chí Minh đã học tập tư tưởng tiên bộ nào của bản tuyên ngôn này? (HS biết được kết quả, ý nghĩa của cách mạng và giá trị của bản tuyên ngôn đối với các dân tộc khác, liên hệ với Việt Nam).

- Trong thời điểm hiện nay, chúng ta cần học tập điều gì ở bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp để xây dựng đất nước dân chủ, công bằng, văn minh? (HS thấy được giá trị và tầm ảnh hưởng của Tuyên ngôn đối với nhân loại - câu hỏi này có thể dành cuối bài để giao bài tập về nhà).

Trả lời được những câu hỏi trên, HS sẽ có những kết luận khái quát đối với cuộc cách mạng, có thể có những ý kiến nhận định riêng của mình. Các tổ chức giờ học nêu vấn đề như trên, lôi cuốn và yêu cầu HS vào tình huống có vấn đề quen thuộc trong cuộc sống, nhưng các em chưa đủ tri thức để giải đáp. Để giải đáp những thắc mắc của mình, các em cần làm việc, khám phá tri thức. Từ đó, những kĩ năng như làm việc với tư liệu, làm việc nhóm... được hình thành, rèn luyện

PPDH dự án và hoạt động trải nghiệm:

Bên cạnh hình thức tổ chức dạy học trên lớp truyền thống hiện nay cần tăng cường các hình thức học tập trải nghiệm gắn học tập với thực tiễn, gắn giáo dục trong nhà trường với giáo dục ngoài xã hội, “phá vỡ” không gian lớp học đồng thời huy động được các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình giáo dục. Thông qua thực hiện các dự án học tập và hoạt động trải nghiệm HS phát triển kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng sưu tầm, đánh giá tư liệu, sự kiện lịch sử, năng lực thực hành bộ môn.

Trong dạy học dự án HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, thực tiễn. HS thực hiện nhiệm vụ với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ xác định mục đích, lập kế hoạch đến việc thực hiện dự án, thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, kiểm tra, điều chỉnh để đưa ra một sản phẩm sau buổi trải nghiệm sáng tạo. Vận dụng dạy học dự án vào tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo được thể hiện qua các bước:

Bước 1: Lựa chọn chủ đề và xác định mục đích của dự án khi tiến hành trải nghiệm, ở bước này, GV tiến hành triển khai chủ đề gắn với nơi trải nghiệm, chia nhóm (có thể vận dụng các kĩ thuật chia nhóm), hướng dẫn các nhóm lựa chọn tiểu chủ đề.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực hiện về thời gian, yêu cầu sản phẩm, phân công nhiệm vụ...;

Bước 3: Thực hiện dự án, HS triển khai làm việc độc lập. Trong quá trình triển khai dự án, HS tiến hành tham quan, khảo sát tại thực địa, một số phương pháp học tập mới được các em áp dụng như nghiên cứu, chọn lọc, xác minh tư liệu, phương pháp phỏng vấn, điều tra đối tượng nghiên cứu... Các dự án học tập được lên kế hoạch và tiến hành từng bước, mỗi khi gặp khó khăn, các nhóm đều tìm gặp GV để tư vấn, giúp đỡ;

Bước 4: Công bố sản phẩm và đánh giá dự án, bước này GV cho các nhóm thể hiện sản phẩm có quy định về thời gian, hình thức tự do, sáng tạo là tập san, poster, clip..., tạo cơ hội cho các em tham gia vào quá trình đánh giá chính mình, đánh giá trong nhóm và nhóm bạn.

Ví dụ, dự án: “Tìm hiểu về thời kì chế độ phong kiến Việt Nam (X - XIX)”, dành cho đối tượng HS lớp 7 THCS. HS tham quan học tập tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia. GV cho HS đề cương tham quan, ghi chép và tập hợp dữ liệu theo các tiểu chủ đề mà HS chọn hoặc được phân công. Sau khi hoàn thành cuộc tham quan học tập, HS hoàn thành sản phẩm, báo cáo ở trên lớp.

Phương pháp hướng dẫn học sinh tự học

Hoạt động tự học của HS thường diễn ra qua hai giai đoạn chủ yếu:

1- Giai đoạn HS tự lĩnh hội kiến thức ở trên lớp dưới sự hướng dẫn, kiểm soát trực tiếp của GV. Ở giai đoạn này, GV tránh để HS ngồi nghe giảng thụ động hoặc ghi nhớ máy móc mà cần thiết phải huy động HS khám phá tri thức. GV sử dụng các phương pháp phát huy tính tích cực của HS như hướng dẫn tranh luận, nêu vấn đề, đóng vai, làm việc nhóm. HS học cách sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết nội dung bài.

2 - Giai đoạn HS tự củng cố kiến thức và thực hành bài tập ở nhà không có sự kiểm soát trực tiếp của GV. GV cần chú ý giao nhiệm vụ, bài tập về nhà cụ thể, vừa để củng cố kiến thức đã học, vừa chuẩn bị cho việc học nội dung mới.

GV cần chú ý phân tích các phong cách học tập của HS để cá nhân hóa việc hướng dẫn HS tự học có hiệu quả.

Sử dụng di sản trong dạy học lịch sử

Di sản văn hóa là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Di sản văn hóa, dù dưới dạng vật thể hoặc phi vật thể đều có thể sử dụng trong quá trình giáo dục, dạy học. Bộ môn Lịch sử có ưu thế trong việc sử dụng các di sản văn hóa ở như là nguồn tri thức, là phương tiện để dạy học bộ môn.

Các di sản thường sử dụng trong dạy học môn Lịch như là: Di sản văn hóa vật thể (di tích lịch sử - văn hóa, hiện vật, cổ vật, bảo vật quốc gia); Di sản văn hóa phi vật thể (tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống, tri thức dân gian).

Đề khai thác và phát huy giá trị di sản trong việc dạy học, giáo dục môn Lịch sử ở trường phổ thông cần tạo điều kiện cho HS tích cực tham gia các hoạt động học tập trực tiếp trải nghiệm với di sản, HS phải được khám phá, khai thác các di sản có liên quan đến nội dung bài học, giúp các em vừa có những hiểu biết về di sản, vừa hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học, từ đó HS trân trọng và gìn giữ phát huy được các giá trị của di sản.

Về hình thức tổ chức, dạy học sử dụng di sản có các hình thức:

- Khai thác, sử dụng tài liệu về di sản để tiến hành bài học ở trường phổ thông.
- Tiến hành bài học tại nơi có di sản.
- Tổ chức tham quan học tập tại nơi có di sản.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa - trải nghiệm di sản.

Ví dụ, để dạy học về văn hóa dân tộc trong các thế kỉ X – XV, GV có thể sử dụng tài liệu về di sản để tiến hành bài học lịch sử qua tình huống Hành trình du lịch đến Chùa Đồng Yên Tử (Quảng Ninh) – nội dung tư tưởng, tôn giáo; Hành trình đến Côn Sơn – nơi thờ Nguyễn Trãi (Hải Dương) - nội dung văn học; Hành trình với Văn Miếu - Quốc tử giám (Hà Nội) – nội dung giáo dục... HS được yêu cầu hoàn thiện phiếu học tập trong quá trình “Hành trình du lịch” để tóm tắt nội dung kiến thức cơ bản đối với từng nội dung. GV cũng có thể giao nhiệm vụ cho các nhóm HS trong lớp chuẩn bị hành trình bằng việc sưu tầm tài liệu về di sản, xây dựng bài giới thiệu về di sản, đóng vai hướng dẫn viên du lịch. HS được thể hiện khả năng của bản thân, được tự mình khám phá tri thức, điều đó làm bài học lịch sử thêm phần hấp dẫn và thích thú.

Phương pháp tranh luận nhằm phát triển tư duy phản biện ở HS

Phương pháp tranh luận được xem là một trong những phương pháp ưu thế trong phát triển năng lực HS, nhất là phát triển tư duy phản biện. Phương pháp này là cách GV đưa ra, gợi mở cho HS suy nghĩ, đánh giá về một vấn đề nhất định theo những hướng khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, sau đó dựa trên những tìm hiểu của các em, GV tổ chức cho các em trao đổi, bàn bạc về vấn đề đó. HS sẽ đưa ra và bảo vệ quan điểm của mình, đồng thời thuyết phục đối phương theo ý kiến đó bằng những lập

luyện, lí lẽ, bằng chứng xác thực nhằm làm rõ những khía cạnh khác nhau của vấn đề và làm giàu sự hiểu biết của cá nhân theo yêu cầu của mục tiêu và nhiệm vụ dạy học.

Trong lịch sử Việt Nam và thế giới có nhiều sự kiện, nhân vật, hiện tượng được đánh giá theo nhiều chiều khác nhau. Đây chính là cơ sở để GV vận dụng phương pháp tranh luận trong dạy học lịch sử.

Ví dụ khi dạy học về Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX (lớp 8), sau khi tổ chức cho HS tìm hiểu về quá trình xâm lược Việt Nam của Pháp từ 1958 đến 1888 bằng lược đồ, GV tổ chức cho HS tranh luận nội dung “trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX”. Trong đó, nhóm 1 sẽ theo quan điểm phê phán triều Nguyễn cho rằng triều đình nhà Nguyễn phải có trách nhiệm hoàn toàn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp; nhóm 2 sẽ theo quan điểm bênh vực triều Nguyễn cho đó là yếu tố khách quan Pháp mạnh, ta yếu khoảng cách về trình độ quá lớn nên thất bại trước Pháp là điều tất yếu; nhóm 3 đóng vai trò phản biện đối với cả hai bên. Mục tiêu kiến thức là đánh giá khách quan về trách nhiệm của nhà Nguyễn, đồng thời thấy được sự chiến đấu quyết liệt của nhân dân ta khi bị thế lực bên ngoài xâm lược.

Một ví dụ khác, trong chủ đề về *Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa*, đan xen trong các bài học GV có thể cho HS tranh luận về vấn đề “Mạng Internet có lợi hay có hại?” và “Toàn cầu hóa tốt hay xấu?”.

3. Bài soạn minh họa và phân tích bài minh họa

Lớp 8

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài, học sinh:

- Trình bày được tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nước Pháp trước cách mạng
- Hiểu được những điểm tiến bộ và ý nghĩa của trào lưu triết học Ánh sáng đối với cách mạng xã hội .
- Phân tích được nguyên nhân, điều kiện của cuộc cách mạng tư sản Pháp, ý nghĩa của sự kiện phá ngục Basti, đánh giá vai trò của giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân trong cách mạng.
- Rèn luyện kĩ năng trình bày, kĩ năng giải thích, kĩ năng phân tích, đánh giá, khai thác tranh ảnh, lược đồ lịch sử, kĩ năng lập niên biểu lịch sử.
- Giáo dục tinh thần ủng hộ cái tiến bộ trong xã hội, phong trào đấu tranh cách mạng xã hội, quý trọng quần chúng nhân dân.

A. DẪN DẮT VÀO BÀI MỚI, TẠO TÌNH HUỐNG HỌC TẬP

1. Mục tiêu: Tạo ra tình huống có vấn đề

Có cuộc cách mạng tư sản được gọi là Đại Cách mạng tư sản khi nó đã đưa giai cấp tư sản thiết lập chính quyền và thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong một chuỗi biến cố dồn dập. Đó là cuộc cách mạng nào? Lực lượng nào đã thúc đẩy cách mạng tới đỉnh cao?

Từ đó kích thích sự tò mò, lòng khát khao mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức mới của bài học.

2. Phương thức

- GV chia HS thành 2 nhóm, hoạt động theo **kỹ thuật động não**. 01 nhóm tìm kiếm thắng lợi và 01 nhóm tìm hạn chế của 3 cuộc cách mạng đầu tiên.

- HS tái hiện kiến thức cũ và phát hiện và ghi ra những điểm thắng lợi và hạn chế vào giấy

- GV cho đại diện HS đính giấy đã viết hoặc ghi lên bảng.

- HS nhóm khác bổ sung.

- GV phân tích thắng lợi và những hạn chế của các cuộc cách mạng.

3. Gợi ý sản phẩm

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn 01 sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. Tìm hiểu nước Pháp trước cách mạng

a) Mục tiêu: HS trình bày được tình hình nước Pháp trước cách mạng về kinh tế, chính trị - xã hội, tư tưởng. Rút ra được nguyên nhân của cuộc cách mạng tư sản Pháp.

b) Phương thức

- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo kỹ thuật “ô bi”. Chia lớp thành 3 nhóm.

Vòng 1. Mỗi nhóm tìm hiểu một nội dung kiến thức

Nhóm 1 – tìm hiểu tình hình kinh tế nước Pháp trước cách mạng. Phát hiện mâu thuẫn trong nền kinh tế. Em có nhận xét gì về người nông dân trong bức tranh biếm họa “**Tình cảnh người nông dân Pháp**”?

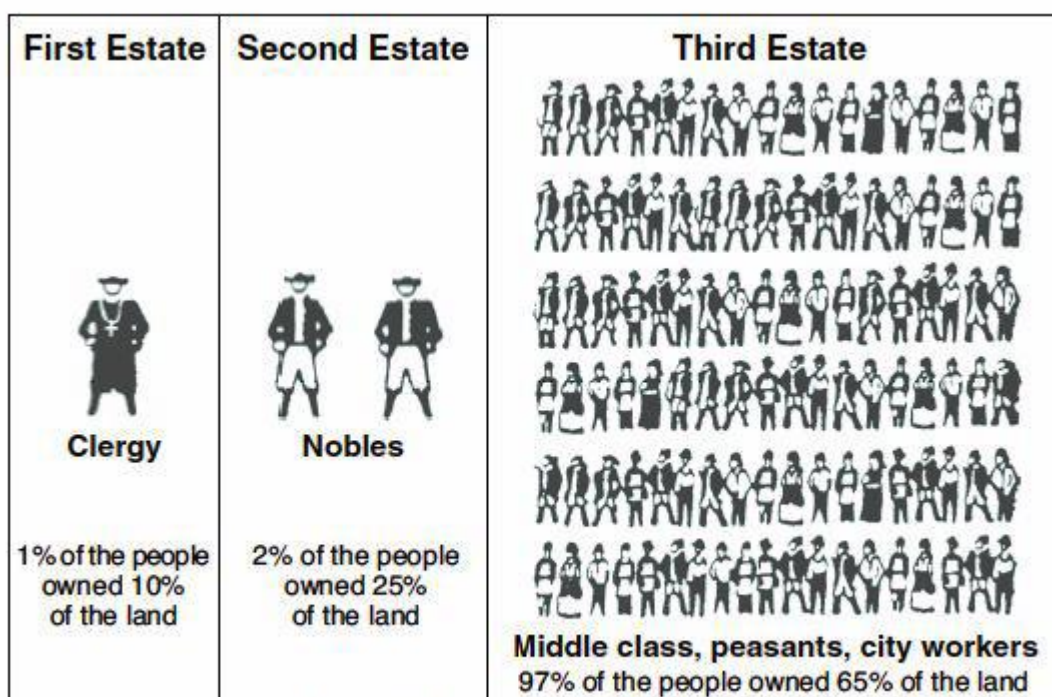


1. Bức tranh vẽ về nội dung gì?
2. Bức tranh cho ta thấy điều gì về bộ phận thống trị trong xã hội Pháp trước cách mạng?
3. Em nghĩ giai cấp nào vẽ bức tranh này? Tại sao?

Tình cảnh người nông dân Pháp trước cách mạng

Nhóm 2 – Tìm hiểu tình hình chính trị: Khai thác tranh Chân dung Lu-i XVI và Ma-ri Ăng-toan-nét hoặc cho HS tìm hiểu trích một đoạn trong tác phẩm Hoàng hậu Mác-gô để HS thấy rõ sự sa đọa của chế độ PK. Nên khai thác kĩ Lu-i XVI và Hoàng hậu vì phần diễn biến có sự kiện xử tử vua, bắt giam và xử tử hoàng hậu .

Nhóm 3 – Tìm hiểu trên lĩnh vực tư tưởng. Nội dung nổi bật trong quan điểm của các nhà triết học Ánh sáng là gì? Khai thác một đoạn trích về nội dung Trào lưu Triết học Ánh sáng (GV không phải giảng, HS tự hoạt động để tìm ra nội dung kiến thức, GV chỉ định hướng và chốt kiến thức)



Source: Schwartz and O'Connor, *Democracy and Nationalism*, Globe Book Company (adapted)

Ba đẳng cấp trong xã hội Pháp trước cách mạng

Vòng 2. Đổi thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm mới bao gồm 1/3 nhóm 1, 1/3 nhóm 2, 1/3 nhóm 3. Chia sẻ nội dung và thảo luận: Nước Pháp trước cách mạng có những mâu thuẫn xã hội nào? Mâu thuẫn đó sẽ dẫn đến điều gì?

Các thành viên nhóm chia sẻ nội dung mà nhóm mình đã tìm hiểu với thành viên trong nhóm.

- HS thảo luận và ghi kết quả thảo luận chung ra giấy.
- GV mời đại diện HS phát biểu ý kiến, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

c) Gợi ý sản phẩm

1. Tình hình kinh tế

- Nông nghiệp: Lạc hậu, công cụ canh tác thô sơ, năng suất thấp, nạn mất mùa đói kém thường xảy ra, đời sống nông dân khổ cực.

- Công thương nghiệp: Phát triển, nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm.
- Mâu thuẫn giữa nền kinh tế TBCN phát triển nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm.

2. Tình hình chính trị - xã hội

- Nước Pháp là một nước quân chủ chuyên chế
- Xã hội Pháp chia 3 đẳng cấp
 - + Hai đẳng cấp trên, gồm Tăng lữ và Quý tộc có mọi đặc quyền.
 - + Đẳng cấp thứ ba gồm giai cấp tư sản, nông dân và bình dân thành thị. Họ không có đặc quyền và bị áp bức bóc lột.
- Mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ 3 và hai đẳng cấp trên ngày càng gay gắt.

3. Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng

- Các nhà tư tưởng kiệt xuất đại diện cho trào lưu Triết học Ánh sáng: Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.
- Nội dung: ủng hộ tư tưởng tiến bộ của giai cấp tư sản, tố cáo, phê phán gay gắt chế độ quân chủ chuyên chế, ủng hộ tư tưởng tự do, dân chủ.
- Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng đã thúc đẩy cách mạng bùng nổ.

II. Cách mạng bùng nổ

a) Mục tiêu: HS hiểu nguyên nhân bùng nổ cách mạng tư sản Pháp, tường thuật diễn biến và đánh giá ý nghĩa của sự kiện phá ngục Baxti.

b) Phương thức

- GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: GV có thể cho HS xem video tái hiện cảnh phá ngục Baxti. Đọc SGK và trả lời câu hỏi:

- Vì sao cách mạng nổ ra?
- Cách mạng tư sản Pháp 1789 đã bắt đầu như thế nào?
- Quần chúng nhân dân tấn công pháo đài Baxti có ý nghĩa như thế nào?

Đường link video: <https://www.youtube.com/watch?v=b9QfFhGWX4c>

Đặt tình huống có vấn đề: Tại nơi diễn ra cảnh phá ngục Baxti, nhân dân Pháp đã làm một cái biển hay tượng gì đó em ko nhớ, khắc dòng chữ “Ở đây người ta nhảy múa”! Tại sao video chiếu cảnh phá ngục, giết chóc mà hậu thế lại kỉ niệm sự kiện này bằng dòng chữ án tượng như vậy!

c) Gợi ý sản phẩm

1. Sự khủng hoảng của chế độ quân chủ chuyên chế.

- Dưới thời vua Lu-i XVI, chế độ phong kiến ngày càng suy yếu.
- Mâu thuẫn giữa nông dân với chế độ phong kiến càng trở nên sâu sắc, có hàng trăm cuộc nổi dậy của ND và bình dân thành thị.

2. Mở đầu thắng lợi của cách mạng

- Ngày 5/5/1789 Hội nghị 3 đẳng cấp được triệu tập. Hội nghị diễn ra rất căng thẳng vì Quý tộc và tầng lớp ủng hộ tăng thuế, còn đẳng cấp thứ ba thì phản đối. Các đại biểu đẳng cấp thứ ba họp thành Hội đồng dân tộc, tuyên bố Quốc hội lập hiến. Nhà vua dùng quân đội uy hiếp Quốc hội. Quần chúng nhân dân vũ trang chống lại nhà vua.

- Ngày 14-7-1789, quần chúng được vũ trang kéo đến tấn công ngục Bastille, mở đầu thắng lợi của Cách mạng tư sản Pháp.

III. Tìm hiểu sự phát triển của cách mạng

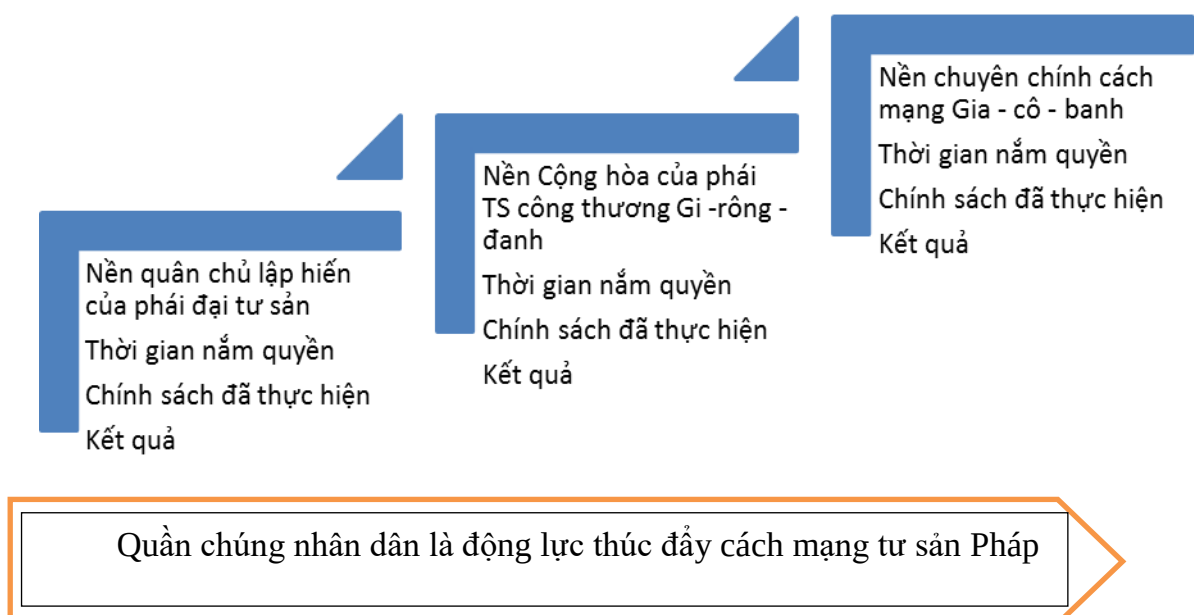
a) Mục tiêu: HS biết được tiến trình của cách mạng tư sản Pháp từ 1789 đến 1794, với 3 giai đoạn: nền quân chủ lập hiến (từ ngày 14-7-1789 đến ngày 10-8-1792); bước đầu nền cộng hòa (từ ngày 21-9-1792 đến ngày 2-6-1793), nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh (từ ngày 2-6-1793 đến ngày 27-7-1794). Trong mỗi giai đoạn, cuộc cách mạng có những bước phát triển và những sự kiện nổi bật, gắn liền vai trò của một bộ phận tư sản.

b) Phương thức: Đối với nhiệm vụ tìm hiểu tiến trình của cách mạng ở mục III, tùy thuộc vào đối tượng HS và khả năng khái quát, hệ thống hóa của GV, GV có thể lựa chọn phương thức dạy học phù hợp.

-GV có thể tổ chức các hoạt động học tập theo từng đơn vị kiến thức nhỏ, lần lượt hết mục 1 thì mới sang mục 2, 3, 4. Tác dụng: HS tiếp nhận kiến thức một cách chắc chắn, rõ ràng, chi tiết, cụ thể.

- GV cũng có thể tổ chức các hoạt động học tập xuyên suốt tiến trình cách mạng, qua từng giai đoạn, nhưng không nhất thiết phải cấu trúc thành mục 1, 2, 3, 4 như trong SGK. Tuy vậy, phải đảm bảo tính khoa học, tính logic và kiến thức cơ bản của bài. Tác dụng: HS được rèn kỹ năng tổng hợp, khái quát, hệ thống hóa.

- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm, lập các sơ đồ tiến trình cách mạng.



c) Gợi ý sản phẩm

1. Chế độ quân chủ lập hiến (từ ngày 14-7-1789 đến 10-8-1792)

a) Mục tiêu: HS biết giai đoạn đầu của cuộc cách mạng đại tư sản nắm chính quyền, tổ chức nền quân chủ lập hiến, thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền với khẩu hiệu “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”. Trước sự phản bội của nhà vua, nhân dân Pháp phải chống lại sự can thiệp của liên quân Áo – Phổ.

b) Phương thức

- GV sử dụng bộ câu hỏi định hướng cho HS làm việc cá nhân.
- HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- + Sau thắng lợi ở Pa ri, chính quyền thuộc về ai?
- + Chính quyền đã thực hiện các chính sách gì?
- + Kết quả của chính quyền như thế nào?

c) Gợi ý sản phẩm

- + Sau thắng lợi ở Pa ri, phái Lập hiến của tầng lớp đại tư sản lên cầm quyền, nhưng Lui XVI vẫn là vua, dù không có quyền.
- + Cuối tháng 8-1789, Quốc hội thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, nêu khẩu hiệu: “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”.
- + Tháng 9 -1791, Hiến pháp được thông qua, xác lập chế độ quân chủ lập hiến.
- + Nhà vua liên kết với thế lực phản động bên trong và bên ngoài, làm cho nước Pháp đứng trước tình hình Tổ quốc lâm nguy.
- + 10-8-1792, nhân dân Pa ri đứng lên, lật đổ chế độ quân chủ lập hiến.

2. Bước đầu của nền cộng hòa (từ ngày 21-9-1792 đến ngày 2-6-1793)

a) Mục tiêu: HS trình bày được diễn biến chính của cách mạng Pháp trong nền cộng hòa dưới sự cầm quyền của phái Gi-rông-đanh.

b) Phương thức

- GV sử dụng bộ câu hỏi định hướng cho HS làm việc cá nhân.
- HS đọc SGK và trả lời câu hỏi.
- + Diễn biến chiến sự ở Pháp những năm 1792-1793 như thế nào?
- + Em có nhận xét gì về việc xử tử Lui XVI ?
- + Vì sao nhân dân lật đổ phái Gi-rông-đanh?
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS để có thể gợi ý học trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.
- GV có thể cung cấp tài liệu về sự ra đời của Bài ca Marseillaise, những người lính Pháp đã hát vang khi chống lại liên minh Áo – Phổ tiến công nước Pháp. Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/La_Marseillaise

c) Gợi ý sản phẩm

- Phái tư sản công thương, Gi-rông-đanh nắm quyền.

- 21-9-1792, nền cộng hoà đầu tiên của nước Pháp được thiết lập.
 - 21-1-1793, LuiXVI bị xử tử.
 - 1793, nước Pháp rất khó khăn: nội phản, ngoại xâm đe dọa, trong khi phái Gi-rông-đanh chỉ lo củng cố quyền lực.
 - 2-6-1793, nhân dân Pa ri nổi dậy khởi nghĩa lật đổ phái Gi-rông-đanh.
3. Chuyên chính dân chủ cách mạng Gia-cô-banh (từ ngày 2-6-1793 đến ngày 27-7-1794)

a) Mục tiêu: HS trình bày được sự thành lập, chính sách của phái Gia-cô-banh dưới sự lãnh đạo của Ro-pe-spie. Đây là giai đoạn đỉnh cao cách mạng, khi giải quyết những vấn đề đặt ra cho nước Pháp và cuộc cách mạng tư sản.

Nên cho hs báo cáo cá nhân những hiểu biết về nhân vật Ro-pe-spie (chuẩn bị trước nội dung báo cáo).

b) Phương thức

- GV tổ chức HS tiếp tục làm việc cá nhân và nhóm.
- HS đọc tài liệu và trả lời câu hỏi:
 - + Rô-be-spie là người có những phẩm chất gì? Tìm hiểu về Rô-be-spie qua tài liệu tham khảo. Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Maximilien_de_Robespierre
 - + Phái Gia-cô-banh đã thi hành những biện pháp gì?
 - + Kết quả của các biện pháp đó đối với nước Pháp?
 - + Vì sao sau năm 1794, Cách mạng tư sản Pháp không thể tiếp tục phát triển?
- HS thảo luận trong nhóm và đại diện của nhóm phát biểu ý kiến.

c) Gợi ý sản phẩm

- 2-6-1793, phái Gia-cô-banh lên nắm quyền. Lãnh đạo là Rô-be-spie, một luật sư có tài hùng biện, một con người không thể mua chuộc.
- Chính quyền cách mạng Gia-cô-banh thi hành nhiều chính sách tiến bộ:
 - + Chính trị: Kiên quyết trừng trị bọn phản cách mạng.
 - + Kinh tế: Tịch thu ruộng đất của Giáo hội, quý tộc chia nhỏ bán cho nông dân. Trưng thu lúa mì, quy định giá tối đa, lương tối đa.
 - + Quân sự: Ban bố lệnh tổng động viên. Quân đội cách mạng đã giành được chiến thắng trước liên minh minh chống Pháp.
- Sau chiến thắng nội xâm, ngoại phản, phái Gia-cô-banh bị chia rẽ và mất sự ủng hộ của quần chúng.
- 27-7-1794, tư sản phản cách mạng đảo chính, Rô-be-spie cùng các bạn bị bắt và xử tử. Thời kỳ chuyên chính Gia-cô-banh chấm dứt.

Cách mạng tư sản Pháp kết thúc.

4. Ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII

a) Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa của các mạng tư sản Pháp, nhận ra được tính tích cực và hạn chế của cuộc cách mạng.

b) Phương thức

- GV tổ chức cho HS đọc SGK và thực hiện các nhiệm vụ sau:
- Phát hiện điểm ý nghĩa tích cực của cách mạng
- Phát hiện những hạn chế của cách mạng
- So sánh cách mạng Pháp với cách mạng Mĩ và nhận xét

c) Gợi ý sản phẩm:

- Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, xóa bỏ nhiều trở ngại trên con đường phát triển TBCN.
- Quần chúng nhân dân là lực lượng đưa cách mạng đạt tới đỉnh cao.
- Cách mạng Pháp vẫn còn hạn chế: chưa đáp ứng quyền lợi cơ bản của nhân dân, chưa giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất...
- Có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của lịch sử thế giới.
- Sơ đồ hóa diễn biến để thấy tiến trình đi lên của cách mạng.

C. Củng cố, Luyện tập

1. Mục tiêu: nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: nguyên nhân bùng nổ, diễn biến các giai đoạn của cuộc cách mạng, ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng Pháp 1789.

2. Phương thức:

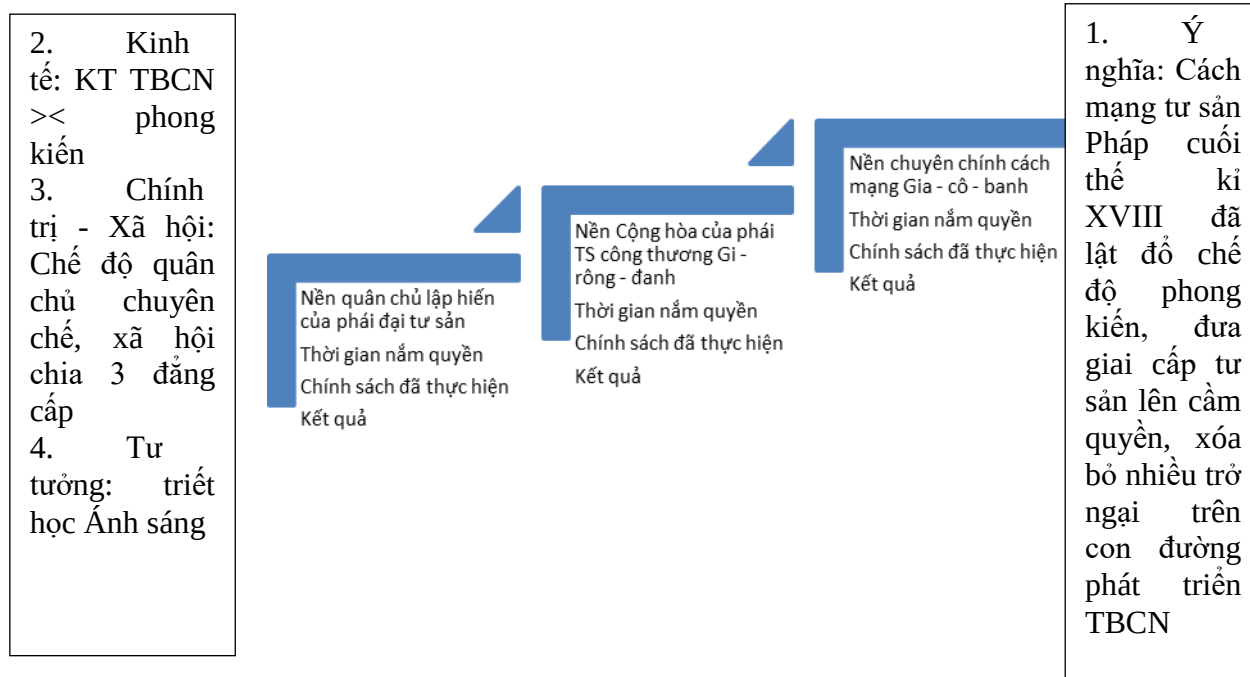
- GV giao nhiệm vụ cho HS: làm bài tập trong SGK
- HS lập sơ đồ các sự kiện chính của Cách mạng tư sản Pháp. Phần này cho HS làm bài tập về nhà

Yêu cầu này nhằm củng cố và hệ thống kiến thức về nguyên nhân, diễn biến, và kết quả các cuộc cách mạng tư sản Pháp thế kỉ XVIII.

Gợi ý sản phẩm

Lập sơ đồ cách mạng tư sản Pháp

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm, lập các sơ đồ tiến trình cách mạng.



Quần chúng nhân dân là động lực thúc đẩy cách mạng tư sản Pháp

Làm bản tổng kết bài

1. Niên biểu sự kiện (trên các năm đều có ảnh minh họa)

Chế độ chuyên chế ở Châu Âu	Tuyên truyền	Tấn công Bastille (1789)	Hành hình Ludwig XVI (1793)	Lên ngôi hoàng đế của Napoleon (1804)	Phong tỏa lục địa Kết thúc đế chế Roma (1816)	Chiến dịch nước Nga	Hội nghị Viên (1815)		
1770	1775	1780	1785	1790	1800	1805	1810	1815	1820

2. Tổng kết (tóm tắt)

3. Sau phần tóm tắt tổng kết, để HS dễ nhớ nên có các mục về: *Sự kiện chính, Khái niệm, nhân vật đáng ghi nhớ như sau:*

Thời gian	Khái niệm	Nhân vật
1789 Chiếm ngục Bastille	Phân chia quyền lực	Robespierre
1791 Hiến pháp Pháp	Quốc gia	Napoleon
1804 Lên ngôi hoàng đế của Napoleon	Nhân quyền	Georg Forster
1813 – 1815 Chiến tranh giải phóng	Nhóm Ja-cô-banh	
1815 Sự sụp đổ của Napoleon	Hiến pháp	

3.4. Cuối cùng để HS hiểu biết sâu hơn sẽ giới thiệu : *đọc sách nào, tra trang mạng nào...?*

D. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. Mục tiêu: nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn về:

- Hoàn thiện thuật ngữ cách mạng tư sản.

- Vận dụng kiến thức để chứng minh nhận định của Hồ Chí Minh: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mĩ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kì thực trong thì nó tước đoạt của công nông, ngoài thì áp bức thuộc địa”

- Tưởng tượng em là thiếu niên người Pháp, sống ở cuối thế kỉ XVIII. Hãy viết thư cho một người bạn kể về sự ra đời của Ngày Quốc khánh và Quốc ca Pháp.

2. Phương thức

- Hoàn thiện thuật ngữ cách mạng tư sản.

GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Em hãy so sánh các cuộc Cách mạng tư sản là gì?

+ Lấy dẫn chứng từ các cuộc cách mạng tư sản Pháp để thấy Cách mạng tư sản Pháp có các dấu hiệu điển hình của một cuộc cách mạng tư sản.

- HS lấy dẫn chứng hạn chế từ cuộc cách mạng Pháp, Mĩ để chứng minh. Viết lại vào vở.

3. Gợi ý sản phẩm

- “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mĩ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kì thực trong thì nó tước đoạt của công nông, ngoài thì áp bức thuộc địa”

Vì: Cách mạng Pháp và Cách mạng tư sản Mĩ tuy là cuộc cách mạng tiến bộ trong lịch sử, song vẫn có những hạn chế:

+ Cách mạng Pháp: chưa đáp ứng quyền lợi cơ bản của nhân dân, chưa giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất...

+ Cách mạng Mĩ: nhân dân chưa được hưởng thành quả, phân biệt chủng tộc, phân biệt giàu nghèo, phụ nữ không có quyền bầu cử, người da đen, nô lệ và thổ dân không có quyền chính trị.

- Viết thư:

+ Bối cảnh là tình hình nước Pháp trước cách mạng.

+ Quốc khánh Pháp là Ngày 14-7-1789, là sự kiện nhân dân Pari phá ngục Basti, mở đầu cách mạng tư sản Pháp.

+ Quốc ca Pháp là bài ca Marseillaise được một người lính sáng tác trong bối cảnh nước Pháp phải đối đầu liên minh quân Áo – Phổ tấn công.

Mở rộng, tham khảo: Xem tư liệu ngắn Thông điệp quá khứ về Cách mạng tư sản Pháp tại <https://www.youtube.com/watch?v=DHO3SrgGEuk>

LỚP 7

CHÂU ÂU

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU (2 tiết)

MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau bài học, học sinh có thể:

- **Trình bày** được trên bản đồ thế giới vị trí địa lí của châu Âu;
- **Phân biệt** được các khu vực địa hình chính của châu Âu;
- **Phân tích** được đặc điểm phân bố một số khoáng sản chính: than, dầu, khí, sắt, đồng,...;
- **So sánh** được đặc điểm của các kiểu khí hậu của châu Âu;
- **Giải thích** được ảnh hưởng của hải lưu nóng tới khí hậu châu Âu;
- **Xác định** được đặc điểm phân bố các đới thiên nhiên và nêu được một số đặc điểm chính của từng đới thiên nhiên này.

1. Vị trí địa lí, kích thước lãnh thổ châu Âu

Châu Âu là bộ phận phía tây của lục địa Á-Âu. Châu Âu nằm hoàn toàn ở bán cầu bắc và chủ yếu ở bán cầu đông.

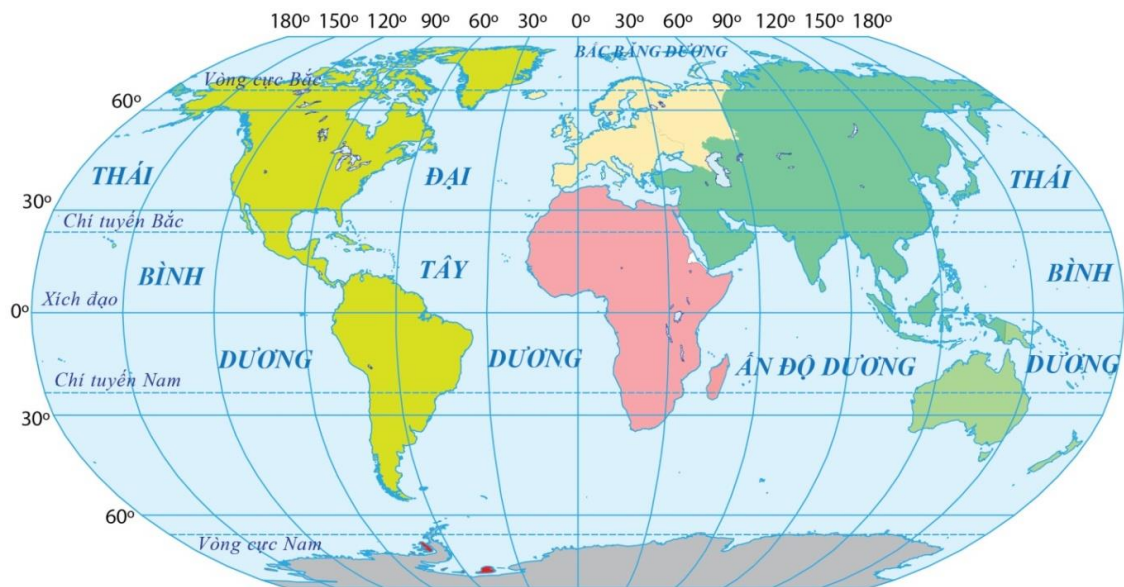
Châu Âu nằm ở khoảng giữa vĩ tuyến 36°B và 71°B.

Châu Âu được bao bọc bởi Bắc Băng Dương ở phía bắc, Đại Tây Dương ở phía tây, Địa Trung Hải và Hắc Hải (Biển Đen) ở phía nam.

Châu Âu được phân tách khỏi châu Á bởi dãy núi Ural, sông Ural, Biển Caxpi, dãy núi Capcaz và Hắc Hải.

Châu Âu có diện tích khoảng 10.180 nghìn km², bằng 2% diện tích bề mặt Trái Đất, bằng 6,8% đất liền trên thế giới.

Quan sát lược đồ châu Âu ở hình 1 và hình 2, hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của châu Âu.



Hình 1. Lược đồ các châu lục trên thế giới

2. Đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Âu

a) Địa hình

Châu Âu là một châu lục mà biển và đại dương ăn sâu vào đất liền, vì thế ở vùng ven biển có nhiều bán đảo và đảo, quần đảo. Địa hình châu lục gồm hai dạng chính là đồng bằng và đồi núi.

– **Bán đảo:** là một phần của đất liền, nhô ra và vươn dài ra khỏi rìa của lục địa hay rìa của đảo ngoài biển. Bán đảo được bao bọc phần lớn bởi biển.

Bán đảo Xcandinavi là bán đảo lớn nhất châu Âu, trên đó có hai nước Na Uy, Thụy Điển, phần tây bắc Phần Lan và một tỉnh của Liên bang Nga.

– **Đảo:** một vùng đất được bao bọc hoàn toàn bởi nước. Nếu vùng đất được bao bọc hoàn toàn bởi biển, thì gọi là **hải đảo**. Một nhóm đảo được gọi là **quần đảo**. Trong quần đảo Anh gồm đảo Anh, Ailen và khoảng 6000 hòn đảo nhỏ khác, đảo Anh là lớn nhất, diện tích hơn 209 nghìn km².

– Các đồng bằng châu Âu trải dài liên tục từ phần tây nước Pháp (đồng bằng Tây Âu) qua một vùng rộng lớn của Đức, Ba Lan (đồng bằng Bắc Âu), cho tới tận phía tây dãy núi Ural (đồng bằng Đông Âu). Các đồng bằng này có độ cao chủ yếu dưới 200m, địa hình khá bằng phẳng, chiếm 2/3 diện tích châu lục. Các đồng bằng này còn có tên gọi là **Đại bình nguyên châu Âu**.

– Ở châu Âu có nhiều dãy núi (mạch núi) có thể liên tục hay gián đoạn, bị chia cắt bởi các thung lũng. Ở phía nam châu lục, có các dãy núi theo hướng vòng cung (Pirênê, Anpơ, Cacpat, Capcaz), nối lại với nhau sẽ tạo ra hướng chủ đạo là hướng vĩ tuyến. Các dãy núi này đều là các núi uốn nếp cổ, được trẻ lại do vận động tân kiến tạo. Do là các núi già trẻ lại, nên núi cao, có sườn dốc, đỉnh nhọn, địa hình hiểm trở. Điển hình là dãy núi Anpơ.

Ở châu Âu còn có các dãy núi già, điển hình như Ural, dãy núi Xcandinavi. Núi bị xâm thực hàng trăm triệu năm, đỉnh tròn, sườn thoải, núi cao trung bình hoặc núi thấp.



Hình 2. Lược đồ địa hình châu Âu

- Hãy xác định trên lược đồ hình 2:
- + Các biển Địa Trung Hải, Biển Đen, Caxpi, Biển Bắc
- + Các bán đảo: Italia (I-ta-li-a), Balkan (Ban-căng), Iberia (I-bê-ri-a)
- + Các đảo Iceland (Ai-xơ-len), Ireland (Ai-len), Anh.
- Hãy kể tên các đồng bằng lớn và nhận xét đặc điểm phân bố của các đồng bằng này.
- Hãy kể tên các dãy núi lớn và đặc điểm phân bố của các dãy núi này.
- Lấy ví dụ về núi già và núi trẻ ở châu Âu.

Fi-o (fjord) là dạng địa hình đặc sắc do sự bào mòn của băng hà. Fi-o hình thành do các thung lũng sông cổ bị băng hà đào sâu xuống và bị chìm xuống biển. Vì thế, dạng địa hình fi-o là những vịnh biển nước sâu, bờ vịnh là các vách đá cao, dốc đứng. Bờ biển bán đảo Xcandinavi (bờ tây nước Na Uy) có rất nhiều fi-o.

Địa hình fi-o rất thuận lợi cho việc xây dựng các cảng biển nước sâu, kín gió. Sự hấp dẫn của thiên nhiên vùng vĩ độ cao này còn do về mùa đông có hiện tượng cực quang kì ảo.



Địa hình đặc trưng của fi-o



Cầu bắc qua fi-o ở Na Uy



Thành phố cảng Bergen ở Na Uy (vĩ độ 60°23'B)



Cực quang, một hiện tượng thiên nhiên kì ảo thường quan sát được về mùa đông bắc cực. Cảnh chụp ở thành phố Trom-sô (Na Uy), ở vĩ độ 69°40'B (trên cả vòng cực).

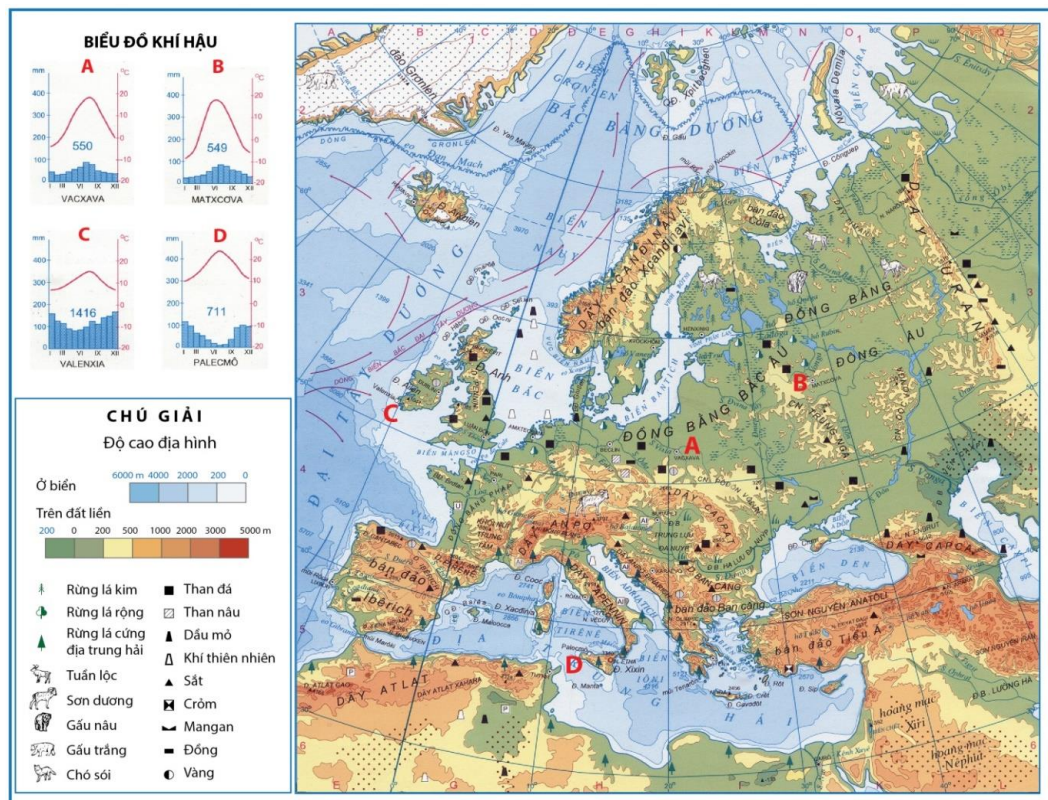
b) Khoáng sản

Quan sát Bản đồ tự nhiên châu Âu (hình 3), tìm các kí hiệu khoáng sản và điền vào chỗ trống.

Ở các đồng bằng châu Âu, khoáng sản chủ yếu có.....

Ở các vùng núi ở Nam Âu, ở vùng núi Ural chủ yếu có các mỏ khoáng sản kim loại, như

Các mỏ phân bố ở vùng thềm lục địa Biển Bắc và ven biển Caxpi.



Hình 3. Bản đồ tự nhiên châu Âu
 (biên tập lại từ Tập bản đồ thế giới và các châu lục, NXB Giáo dục)

a) Quan sát Lược đồ khí hậu châu Âu (hình 4) hãy nhận biết đặc điểm khí hậu châu Âu:

- Châu Âu có mấy kiểu khí hậu chính? Đặc điểm phân bố các kiểu khí hậu này?
- Xu hướng thay đổi nhiệt độ trung bình tháng giêng theo hướng từ biển (phía tây) vào sâu trong lục địa (phía đông) là như thế nào?
- Dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương có ảnh hưởng gì đến khí hậu của châu Âu?

b) Quan sát kết hợp hình 3 và hình 4, hãy xác định kiểu khí hậu của từng địa phương có các biểu đồ khí hậu sau:

- A) Vacsava:
- B) Matxcova:
- C) Valenxia:
- D) Palecmô:

c) Dựa vào kết quả của câu b), quan sát biểu đồ khí hậu của các trạm Valenxia, Matxcova, Vacsava, Palecmô, hãy xác định đặc điểm của các kiểu khí hậu sau đây:

- Ôn đới hải dương
- Ôn đới lục địa
- Địa trung hải

b) Sông ngòi

Châu Âu có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc. Phần lớn các dòng sông đầy nước quanh năm, không có lũ lớn, rất thuận lợi cho vận tải đường thủy, đặc biệt trong điều kiện có các kênh đào nối các sông với nhau. Các dòng sông lớn nối các thành phố cổ kính và hiện đại của châu Âu, rất hấp dẫn du khách. Các sông đổ ra Bắc Băng Dương bị đóng băng về mùa đông, nhất là ở phần cửa sông.

Các sông dài nhất là Volga (Von-ga), Danube (Đa-nuyp), Rhein (Rai-nơ).

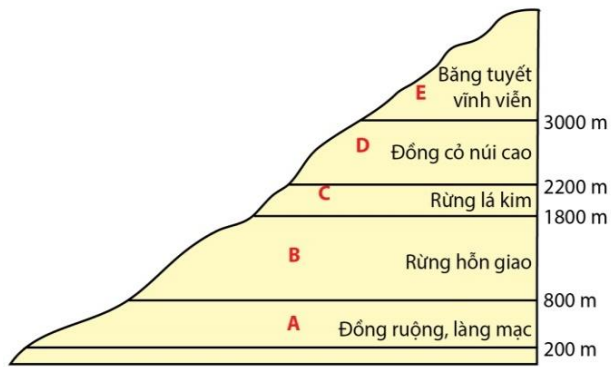
4. Các kiểu lớp phủ thực vật ở châu Âu

Các lớp phủ thực vật chịu ảnh hưởng rất lớn bởi điều kiện khí hậu. Ở khu vực ôn đới hải dương, chủ yếu là rừng lá rộng. Đi sâu vào lục địa và đi về phía bắc cực có rừng lá kim, do khí hậu ôn đới lục địa. Đi về phía đông nam châu Âu lại có thảo nguyên. Ở ven Địa Trung Hải, khí hậu ẩm áp và tương đối ít mưa, có rừng lá cứng.

5. Các đai cao trên dãy núi Anpơ

Từ chân núi lên đỉnh núi của dãy Anpơ, nhiệt độ giảm theo độ cao, vì thế cũng thấy các đai cao của thảm thực vật, và các hoạt động của con người thay đổi theo đai cao.

Quan sát các đối tượng tự nhiên trong ảnh; Đặt các chữ A, B, C, D, E vào những vị trí phù hợp trong các ảnh sau đây về vùng núi Anpơ.



Các đai cao ở dãy núi Anpơ



Hồ ở vùng Anpơ



Quang cảnh núi Anpơ



Đồng cỏ mùa nở hoa



Thành phố Grơ-nôp, Pháp

HƯỚNG DẪN DẠY BÀI SOẠN MINH HỌA
VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM
THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU (2 TIẾT)

1. Mục tiêu của bài học

Sau bài học, học sinh có thể:

- **Trình bày** được trên bản đồ thế giới vị trí địa lí của châu Âu;
- **Phân biệt** được các khu vực địa hình chính của châu Âu;
- **Phân tích** được đặc điểm phân bố một số khoáng sản chính: than, dầu, khí, sắt, đồng,...;
- **So sánh** được đặc điểm của các kiểu khí hậu của châu Âu;
- **Giải thích** được ảnh hưởng của hải lưu nóng tới khí hậu châu Âu;
- **Xác định** được đặc điểm phân bố các đới thiên nhiên và nêu được một số đặc điểm chính của từng đới thiên nhiên này.

Bài này góp phần hình thành các năng lực chuyên môn Địa lí sau đây:

- Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (phân tích vị trí địa lí; phân tích sự phân bố, cảm nhận không gian);
- Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên (phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên);
- Năng lực sử dụng các công cụ của địa lí học (khai thác tài liệu thành văn; sử dụng bản đồ; khai thác thông tin từ Internet).

2. Đồ dùng dạy học

- Bản đồ chính trị thế giới, bản đồ chính trị châu Âu; Bản đồ địa lí tự nhiên châu Âu (bản đồ treo tường, lược đồ trong SGK);
 - “Tập bản đồ thế giới và các châu lục” (NXB Giáo dục), một số tranh ảnh và đoạn văn bản liên quan đến bài học (ví dụ, về fi-o ở Na Uy);
 - Phiếu học tập;
 - Máy chiếu (nếu có) để trình chiếu slide;
- Ghi chú: GV có thể tham khảo bài 51-53 (SGK Địa lí 7).

3. Gợi ý tổ chức dạy học

3.1. Nội dung chính của bài học

- Vị trí địa lí, kích thước lãnh thổ châu Âu
- Đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Âu
- Đặc điểm khí hậu, sông ngòi châu Âu
- Các kiểu lớp phủ thực vật ở châu Âu
- Các đai cao trên dãy núi Anpơ

Trong các nội dung này, trọng tâm thuộc về : 1/ Đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Âu và 2/ Đặc điểm khí hậu, sông ngoài châu Âu.

3.2 Phương pháp dạy học

1) Vị trí địa lí, kích thước lãnh thổ châu Âu

Hoạt động 1: Hãy xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của châu Âu

GV cho HS nghiên cứu các thông tin hỗ trợ, xác định châu Âu trên bản đồ địa lí tự nhiên thế giới, hoặc bản đồ bán cầu đông, hoặc bản đồ lục địa Á – Âu. Chỉ rõ các đối tượng địa lí xác định giới hạn của châu lục.

2) Đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Âu

Hoạt động 2: Xác định các khu vực địa hình chính ở châu Âu và tìm hiểu đặc điểm địa hình của các khu vực này.

GV chia lớp thành một vài nhóm, cho HS hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ sau:

- Hãy xác định trên lược đồ Địa hình châu Âu:
- + Các biển Địa Trung Hải, Biển Đen, Caxpi, Biển Bắc
- + Các bán đảo: Italia (I-ta-li-a), Balkan (Ban-căng), Iberia (I-bê-ri-a)
- + Các đảo Iceland (Ai-xơ-len), Ireland (Ai-len), Anh.
- Hãy kể tên các đồng bằng lớn và nhận xét đặc điểm phân bố của các đồng bằng này.
- Hãy kể tên các dãy núi lớn và đặc điểm phân bố của các dãy núi này.
- Lấy ví dụ về núi già và núi trẻ ở châu Âu.

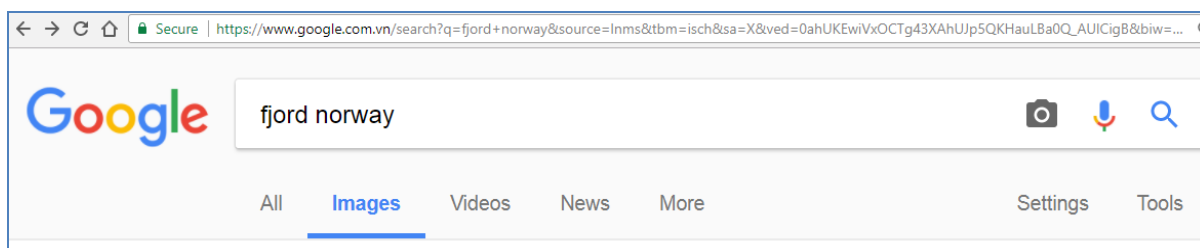
Trong quá trình chữa bài tập, GV củng cố ở HS các khái niệm địa lí tự nhiên: bán đảo, đảo, đồng bằng (bình nguyên).

Hoạt động 3: Sưu tầm ảnh và tìm hiểu về fi-o (fjord) Na Uy

(Hoạt động này được thực hiện trong điều kiện có kết nối Internet. Trong trường hợp không có kết nối Internet ở trường, GV nên chuẩn bị một số hình ảnh về bờ biển fi-o của Na Uy, một dạng địa hình rất đặc sắc do băng hà để lại. GV có thể cho HS sáng tác các ghi chú ảnh theo cảm nhận chủ quan của mình).

GV hướng dẫn HS tự tìm kiếm hình ảnh về fi-o ở Na Uy:

- Vào trang tìm kiếm, chẳng hạn Google
- Sử dụng từ khóa tìm kiếm *fjord norway* (tìm kiếm fi-o ở Na Uy)
- Chọn đối tượng tìm kiếm là *Images* (tranh, ảnh)
- Nhấn phím chuột phải vào ảnh định chọn, hiện lên menu con, chọn *Save image as...*
- Ghi lại các ảnh đã chọn vào một thư mục theo hướng dẫn của GV.



GV giải thích cho HS về nguồn gốc địa hình bờ biển fi-o là do băng hà. HS có thể hiểu được là tại sao Na Uy có nhiều địa điểm thuận lợi làm cảng nước sâu.

Hoạt động 4: Phát hiện đặc điểm phân bố khoáng sản

GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động điền thông tin vào Phiếu học tập dựa trên bản đồ tự nhiên châu Âu (trong bài soạn, hoặc sử dụng bản đồ Tự nhiên châu Âu trong Tập bản đồ thế giới và các châu lục, NXB Giáo dục)

PHIẾU HỌC TẬP

Quan sát Bản đồ tự nhiên châu Âu (hình 3) và điền vào chỗ trống.

Ở các đồng bằng châu Âu, khoáng sản chủ yếu có.....

Ở các vùng núi ở Nam Âu, ở vùng núi Ural chủ yếu có các mỏ khoáng sản kim loại, như

Các mỏ phân bố ở vùng thềm lục địa Biển Bắc và ven biển Caxpi.

3) Đặc điểm khí hậu, sông ngòi châu Âu

Hoạt động 5: Phân tích đặc điểm khí hậu châu Âu

Giáo viên tổ chức hoạt động học tập nhóm để hoàn thành phiếu học tập theo nội dung sau:

PHIẾU HỌC TẬP

a) Quan sát Lược đồ khí hậu châu Âu và làm các bài tập sau đây:

– Châu Âu có mấy kiểu khí hậu chính? Đặc điểm phân bố các kiểu khí hậu này?
– Xu hướng thay đổi nhiệt độ trung bình tháng giêng theo hướng từ biển (phía tây) vào sâu trong lục địa (phía đông) là như thế nào?

– Dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương có ảnh hưởng gì đến khí hậu của châu Âu?

b) Quan sát kết hợp Bản đồ tự nhiên châu Âu và Lược đồ khí hậu châu Âu, hãy xác định kiểu khí hậu của từng địa phương có các biểu đồ khí hậu sau:

– A) Vacsava:

– B) Matxcova:

– C) Valenxia:

- D) Palecmô:
- c) Xác định đặc điểm của từng kiểu khí hậu:
 - Ôn đới hải dương
 - Ôn đới lục địa
 - Địa trung hải

4) Các kiểu lớp phủ thực vật ở châu Âu

Hoạt động 6: Phân tích mối quan hệ giữa rừng và khí hậu

GV cho HS học tập theo nhóm để hoàn thành nhanh nhiệm vụ học tập sau:

Đối chiếu các ký hiệu rừng ở hình 3 với các kiểu khí hậu ở hình 4, hãy chọn các cặp phù hợp. Lập luận tại sao.

Kiểu khí hậu	Kiểu rừng	Đáp án
1. Ôn đới hải dương	a. Rừng lá cứng	
2. Ôn đới lục địa	b. Rừng lá rộng	
3. Địa trung hải	c. Rừng lá kim	

5) Các đai cao trên dãy núi Anpơ

Hoạt động 7: Quan sát các đối tượng tự nhiên trong ảnh; Đặt các chữ A, B, C, D, E vào những vị trí phù hợp trong các ảnh sau đây về vùng núi Anpơ.

HS dựa vào các hình ảnh được cung cấp trong bài, hoặc các hình ảnh có ý nghĩa tương tự do giáo viên và HS sưu tầm để hoàn thành hoạt động 7.

4.3. Hướng dẫn đánh giá kết quả học tập

Giáo viên có thể dùng nhiều hình thức đánh giá kết quả học tập của HS như đánh giá nhanh thông qua các phiếu học tập, thông qua ý kiến tranh luận của HS với các bạn,...

Trong bài này việc đánh giá các kĩ năng đọc bản đồ và khai thác thông tin từ bản đồ, tranh ảnh là rất quan trọng.

VII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình môn học

Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình môn học là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình môn Lịch sử và Địa lí. Cần lưu ý là các phẩm chất và năng lực này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá, cần xác định rõ HS đã/ đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kỳ vọng, và GV. Như vậy là cần chú

trọng cả đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, trong đó hết sức coi trọng việc đánh giá quá trình.

2. Mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của chương trình môn học

2.1. Mục tiêu đánh giá

Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của HS.

2.2. Căn cứ và nội dung đánh giá

Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, atlas, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

2.3. Cách thức đánh giá

Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

2.4. Đề đánh giá minh họa

Ví dụ 1: Sau khi học xong bài Khí quyển (Địa lí 6)

Câu 1: Tầng nào không khí bị xáo trộn mạnh và thường xuyên?

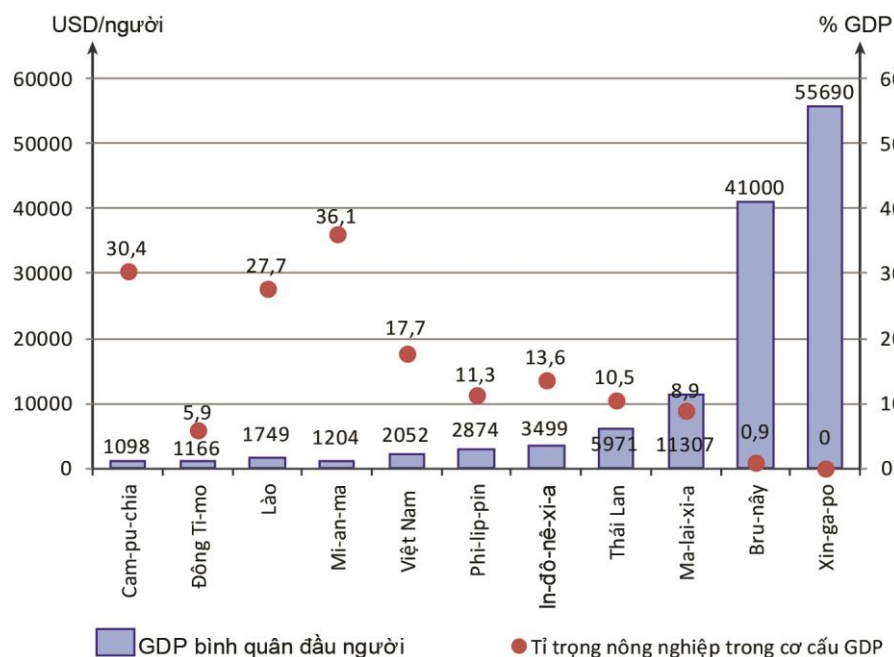
- A. Tầng đối lưu B. Tầng bình lưu
- C. Tầng giữa D. Tầng nhiệt

Câu 2: Nhận định nào sau đây **không** đúng về đặc điểm của lớp vỏ khí?

- A. Bề dày của khí quyển dày nhất ở khu vực xích đạo
- B. Bề dày của khí quyển mỏng dần khi đi về hai cực
- C. Càng lên cao không khí càng đặc, loãng nhất ở tầng đối lưu
- D. Chủ yếu hơi nước của khí quyển nằm ở tầng đối lưu

Ví dụ 2. Sau khi HS học xong bài Địa lí khu vực Đông Nam Á (lớp 7)

Cho biểu đồ sau đây



Biểu đồ GDP bình quân đầu người và tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP của các nước Đông Nam Á năm 2014

Hãy viết báo cáo ngắn về các nước Đông Nam Á theo gợi ý sau đây.

Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á có sự khác biệt khá lớn về trình độ phát triển.

- Dùng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người để phản ánh điều gì?
- Tỉ trọng nông nghiệp cao hay thấp trong cơ cấu GDP nói lên điều gì?
- Có thể chia thành mấy nhóm nước theo sự kết hợp hai chỉ tiêu này. Mỗi nhóm gồm những quốc gia nào?

Ví dụ 3: Sau khi HS học xong bài về Đặc điểm tự nhiên châu Âu (lớp 7).

Hãy hoàn thiện Phiếu học tập sau.

PHIẾU HỌC TẬP

a) Quan sát Lược đồ khí hậu châu Âu và làm các bài tập sau đây:

- Châu Âu có mấy kiểu khí hậu chính? Đặc điểm phân bố các kiểu khí hậu này?
- Xu hướng thay đổi nhiệt độ trung bình tháng giêng theo hướng từ biển (phía tây) vào sâu trong lục địa (phía đông) là như thế nào?

– Dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương có ảnh hưởng gì đến khí hậu của châu Âu?

b) Quan sát kết hợp Bản đồ tự nhiên châu Âu và Lược đồ khí hậu châu Âu, hãy xác định kiểu khí hậu của từng địa phương có các biểu đồ khí hậu sau:

– A) Vacsava:

– B) Matxcova:

- C) Valenxia:
- D) Palecmô:
- c) Xác định đặc điểm của từng kiểu khí hậu:
 - Ôn đới hải dương
 - Ôn đới lục địa
 - Địa trung hải

2.5. Phân tích để đánh giá mình học

Trong dạy học theo CT GDPT mới, việc đánh giá yêu cầu cầu đạt về phẩm chất và năng lực theo 3 mức độ: Biết, Hiểu, Vận dụng. Có một số động từ chỉ hành động đã được gợi ý trong CT môn học Lịch sử và Địa lí THCS để GV có thể tham khảo trong khi ra các đề đánh giá kết quả học tập của HS.

Trong môn Lịch sử và Địa lí có các bài tập khá phức hợp, có thể khai thác các phương tiện bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu,..., phải huy động nhiều kiến thức, kỹ năng, từ việc tái hiện các kiến thức đã học, đến việc thể hiện sự thông hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp.

Ví dụ 1 nêu ở trên là để đánh giá trình độ hiểu / thông hiểu của HS lớp 6, sau khi học bài về Khí quyển.

Ví dụ 2, sau khi HS học bài về khu vực Đông Nam Á (Địa lí 7), là một bài tập phức tạp hơn. bài này đòi hỏi HS phải vận dụng kiến thức và kỹ năng phân tích số liệu biểu đồ và trình bày lại bằng ngôn ngữ của mình.

Bài này đòi hỏi HS:

- + Biết đọc biểu đồ cột – đường (ở đây đường = None, nên là cột – điểm), với hai trục tung.
- + Hiểu được ý nghĩa của các đại lượng thống kê (GDP/người; Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP)
- + Vận dụng được vào trường hợp cụ thể của khu vực Đông Nam Á.
- + Phân tích được mối quan hệ giữa quy mô GDP/ người và tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP.
- + Tổng hợp hai chỉ tiêu, từ đó phân ra các nhóm nước phù hợp.

Ví dụ 3 đòi hỏi HS phải tái hiện được từ việc quan sát lược đồ khí hậu châu Âu, các biểu đồ khí hậu của các kiểu khí hậu tiêu biểu, kết hợp với kiến thức từ kênh chữ trong bài để nhận biết đúng và hiểu đúng về đặc điểm khí hậu châu Âu. Trong ví dụ này có đầy đủ các bậc đánh giá nhận thức từ Biết, Hiểu đến Vận dụng.

VIII. THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Định hướng thiết bị dạy học môn học

Thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lí bao gồm một số loại hình như sau:

- Các bản đồ giáo khoa treo tường (về thế giới, các khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng chủ đề của từng lớp học và phù hợp với đặc điểm nhận thức của HS;
- Các tập Atlas địa lí tự nhiên đại cương, Atlas địa lí các châu lục và Atlas địa lí Việt Nam, tập bản đồ lịch sử;
- Mô hình hiện vật, tranh lịch sử, ảnh, băng ghi âm lời nói của các nhân vật lịch sử,..
- Các mẫu vật về tự nhiên;
- Các tranh ảnh (in trên giấy, hình digital tĩnh và động), các sơ đồ, lược đồ, các video clip được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng chủ đề;
- Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu; Các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, biểu đồ, sơ đồ);
- Các dụng cụ, thiết bị thông thường để quan sát tự nhiên (địa bàn, nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế);
- Một số dụng cụ thực hành, thực địa;
- Các thư viện digital chứa các kho tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí;
- Phần mềm dạy học.

Ở những địa phương có điều kiện nên tổ chức các phòng bộ môn.

Việc sử dụng các thiết bị dạy học có mục đích chủ yếu nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất kĩ thuật để tổ chức các hoạt động học tập, tự tìm tòi tri thức lịch sử và địa lí của HS một cách tích cực, sáng tạo.

2. Ví dụ minh họa sử dụng một số thiết bị dạy học

a) Sử dụng đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử

Đặc trưng của tri thức lịch sử đó là tính quá khứ, không lặp lại, do vậy rất khó để HS nhận thức. Để khắc phục hạn chế đó, vận dụng phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan là một giải pháp và là một yêu cầu. Trong dạy học lịch sử, đồ dùng trực quan được chia thành 3 nhóm chính: Nhóm đồ dùng trực quan hiện vật (di tích lịch sử, di vật khảo cổ, hiện vật còn lưu lại qua các thời kì lịch sử); Nhóm đồ dùng trực quan tạo hình (mô hình, sa bàn, các loại phục chế khác; hình vẽ, tranh ảnh, phim tư liệu lấy chủ đề lịch sử); nhóm đồ dùng trực quan quy ước (bản đồ, lược đồ lịch sử, đồ thị, sơ đồ, bảng biểu...). Những đồ dùng trực quan trên có thể kết hợp với các phương tiện kĩ thuật như máy chiếu Projector, radio, máy ghi âm, video, tivi, máy tính... Khi sử dụng đồ dùng trực quan và các thiết bị kĩ thuật, GV cần kết hợp với các phương pháp dùng lời và tổ chức trao đổi thảo luận để đạt hiệu quả.

Nếu việc sử dụng đồ dùng trực quan chỉ để minh họa sự kiện hoặc là phương tiện hỗ trợ GV trong phân tích, lược thuật nội dung, thì hiệu quả còn hạn chế. GV cần hướng dẫn HS làm việc với các đồ dùng trực quan, hướng dẫn các em khám phá tri thức một cách tích cực, chủ động.

Ví dụ, khi dạy học về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang- Âu Lạc (lớp 6) GV cho HS quan sát hình ảnh Trống đồng Đông Sơn và nêu yêu cầu tìm hiểu ý nghĩa các hoa văn trên Trống đồng Đông Sơn”, cho hoạt động học tập nhóm để HS quan sát, miêu tả về Trống Đông Sơn, điền vào phiếu học tập, từ đó khái quát hóa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang.

Qua cách hướng dẫn HS học tập thông qua các đồ dùng trực quan như trên, GV sẽ giúp HS rèn luyện được nhiều kỹ năng, đồng thời phát huy sự tích cực học tập. HS khám phá và chiếm lĩnh tri thức một cách tự nhiên.

b) Sử dụng bản đồ trong dạy học

Sử dụng bản đồ lịch sử và địa lí cho phép HS hình thành và củng cố tri thức về các diễn biến lịch sử, về sự phân bố các hiện tượng địa lí, về các mối quan hệ không gian - thời gian giữa các hiện tượng và quá trình. GV cần chú trọng hướng dẫn HS đọc hiểu, khai thác tri thức từ các bản đồ, lược đồ, trước hết là các tập bản đồ, atlas giáo khoa (do NXB Giáo dục và các đơn vị có thẩm quyền khác xuất bản), các bản đồ, lược đồ trong sách giáo khoa. HS cần nắm được các yếu tố bản đồ, đọc được các đối tượng được thể hiện trên bản đồ, những đặc trưng địa lí của chúng (quy mô, cấu trúc, sự phân bố, động thái,...) và cả các hình mẫu không gian trong phân bố các đối tượng và hiện tượng địa lí, lịch sử. Ở mức độ cao hơn, HS học phân tích các mối quan hệ tương hỗ và quan hệ nhân quả trên cơ sở đọc một hoặc một số bản đồ có liên quan.

Ví dụ, trong bài *Nước ngầm và băng hà* (lớp 6), GV cho HS đối chiếu bản đồ phân bố lượng mưa trên Trái Đất và bản đồ phân bố nước ngầm trên thế giới. GV yêu cầu HS rút ra nhận xét về mối quan hệ giữa nước mưa và nước ngầm.

Các tình huống:

- Nước mưa là nguồn cung cấp nước để tạo thành các tầng nước ngầm.
- Tại sao ở các vùng khô hạn như sa mạc Xahara, bán đảo Arap, hoang mạc Ô-xtrây-li-a lại có tầng nước ngầm phong phú?

Từ đó GV gợi ý cho HS biết rằng trong lịch sử địa chất, khí hậu trên Trái Đất có nhiều biến đổi, những vùng khô hạn ấy trong quá khứ cách đây hàng trăm nghìn năm không khô hạn như bây giờ, thậm chí có thể là ẩm ướt, để lại các tầng nước ngầm dưới sâu rất phong phú

GV cũng cho HS hiểu rằng cuộc sống và sản xuất ở các vùng khô hạn phụ thuộc vào việc khai thác nguồn nước ngầm. Do vậy, người dân ở đây có các biện pháp để sử dụng nước ngầm có hiệu quả và tiết kiệm.

Ví dụ khác, trong bài *Vị trí địa lí, đặc điểm thiên nhiên châu Âu* (lớp 8) có nhiều tình huống được thiết kế để HS khai thác tri thức từ bản đồ, lược đồ; trên nền phương pháp sử dụng bản đồ có thể sử dụng các phương pháp dạy học khác nhau.

Bài tập đơn giản đầu tiên là xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của châu Âu trên lược đồ các châu lục và trên lược đồ địa hình châu Âu.

Tiếp đến là một hoạt động học tập phức tạp hơn: Xác định các khu vực địa hình chính ở châu Âu và tìm hiểu đặc điểm địa hình của các khu vực này. Nguồn tri thức chủ yếu là lược đồ địa hình châu Âu và một phần là kênh chữ trong SGK.

GV chia lớp thành một vài nhóm, cho HS hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ sau:

- Hãy xác định trên lược đồ địa hình châu Âu:
 - + Các biển Địa Trung Hải, Biển Đen, Caxpi, Biển Bắc
 - + Các bán đảo: Italia (I-ta-li-a), Balkan (Ban-căng), Iberia (I-bê-ri-a)
 - + Các đảo Iceland (Ai-xơ-len), Ireland (Ai-len), Anh.
- Hãy kể tên các đồng bằng lớn và nhận xét đặc điểm phân bố của các đồng bằng này.

– Hãy kể tên các dãy núi lớn và đặc điểm phân bố của các dãy núi này.

– Lấy ví dụ về núi già và núi trẻ ở châu Âu.

Khi xác định các đối tượng địa lí tự nhiên này, HS sẽ phải tìm hiểu thêm các khái niệm: bán đảo, đảo, đồng bằng (bình nguyên).

c) Sử dụng các biểu đồ trong dạy học

Trong học tập địa lí, HS tiếp xúc với nhiều dạng biểu đồ khác nhau, phản ánh quy mô, cấu trúc, động thái của hiện tượng và đối tượng địa lí. Không có tiết dạy riêng về các loại biểu đồ, mà tùy theo nội dung thực hành hay bài tập lí thuyết mà GV cho HS vừa nắm được những nguyên tắc chung, vừa biết cách vận dụng vào trong trường hợp cụ thể. Các biểu đồ định vị gắn với các địa điểm trên bản đồ làm tăng thêm tính thông tin của các biểu đồ, chẳng hạn như các biểu đồ khí hậu.

Ví dụ, cũng trong bài *Vị trí địa lí, đặc điểm thiên nhiên châu Âu*

- Quan sát Lược đồ khí hậu châu Âu và Bản đồ tự nhiên châu Âu (trích từ Tập bản đồ thế giới và các châu lục, NXB Giáo dục) hãy xác định kiểu khí hậu của từng địa phương có các biểu đồ khí hậu sau: A) Vacsava, B) Matxcova, C) Valenxia, D) Palecmô.

- Quan sát biểu đồ khí hậu của các trạm Valenxia, Matxcova, Vacsava, Palecmô, hãy xác định đặc điểm của các kiểu khí hậu sau đây: Ôn đới hải dương; Ôn đới lục địa; Địa trung hải.

GV cũng cần khuyến khích HS sử dụng các lược đồ trí nhớ để thể hiện các cảm nhận không gian cũng như để tổng kết các hiểu biết địa lí về một lãnh thổ (quốc gia, địa phương). GV cũng có thể giao cho HS các bài tập điền các đối tượng, nội dung địa lí lên lược đồ trống.

d) Khai thác tranh ảnh

Tranh ảnh có nội dung địa lí và lịch sử có ý nghĩa rất quan trọng trong hình thành biểu tượng về thiên nhiên, con người và hoạt động kinh tế ở các nơi trên Trái Đất, về lịch sử loài người trong quá khứ được phản ánh qua hình ảnh của các công trình di tích lịch sử, các hiện vật lịch sử, các sự kiện lịch sử,... Việc sử dụng có dụng ý và hợp lí các hình ảnh còn góp phần quan trọng vào việc hình thành các khái niệm địa lí và lịch sử, các mối quan hệ bản chất trong địa lí cũng như trong lịch sử nhân loại.

Ví dụ, trong bài về Châu Âu kể trên, nội dung phân tích các đai cao trên dãy núi Anpơ. Học liệu gồm:

- Một sơ đồ các đai cao trên dãy núi Anpơ, với các chữ cái A, B, C, D, E thể hiện các đai cao;

- 4 ảnh chụp quang cảnh ở các địa điểm khác nhau trên Anpơ. Tùy theo khuôn hình, mỗi ảnh có thể bao quát khung cảnh của một số đai cao khác nhau.

Điều thú vị là HS cần phải quan sát kĩ các ảnh, ví dụ ảnh đồng cỏ mùa nở hoa là về đai đồng cỏ núi cao. Thành phố Gơ-rơ-nôp (Pháp) là thuộc đai chân núi Anpơ. Còn trong hai ảnh khác về quang cảnh và hồ ở Anpơ, HS sẽ quan sát được các cây lá kim (với tán cây có dáng đỉnh nhọn) và các cây lá rộng (tán cây tròn). Và thế là có thể suy đoán chỗ nào thuộc đai rừng hỗn giao, chỗ nào thuộc đai rừng lá kim.

e) Sử dụng các phương tiện CNTT và truyền thông trong học tập

Các tình huống để HS sử dụng các phương tiện CNTT và truyền thông trong học tập rất phong phú. Chẳng hạn, trong bài châu Âu kể trên, có một nhiệm vụ:

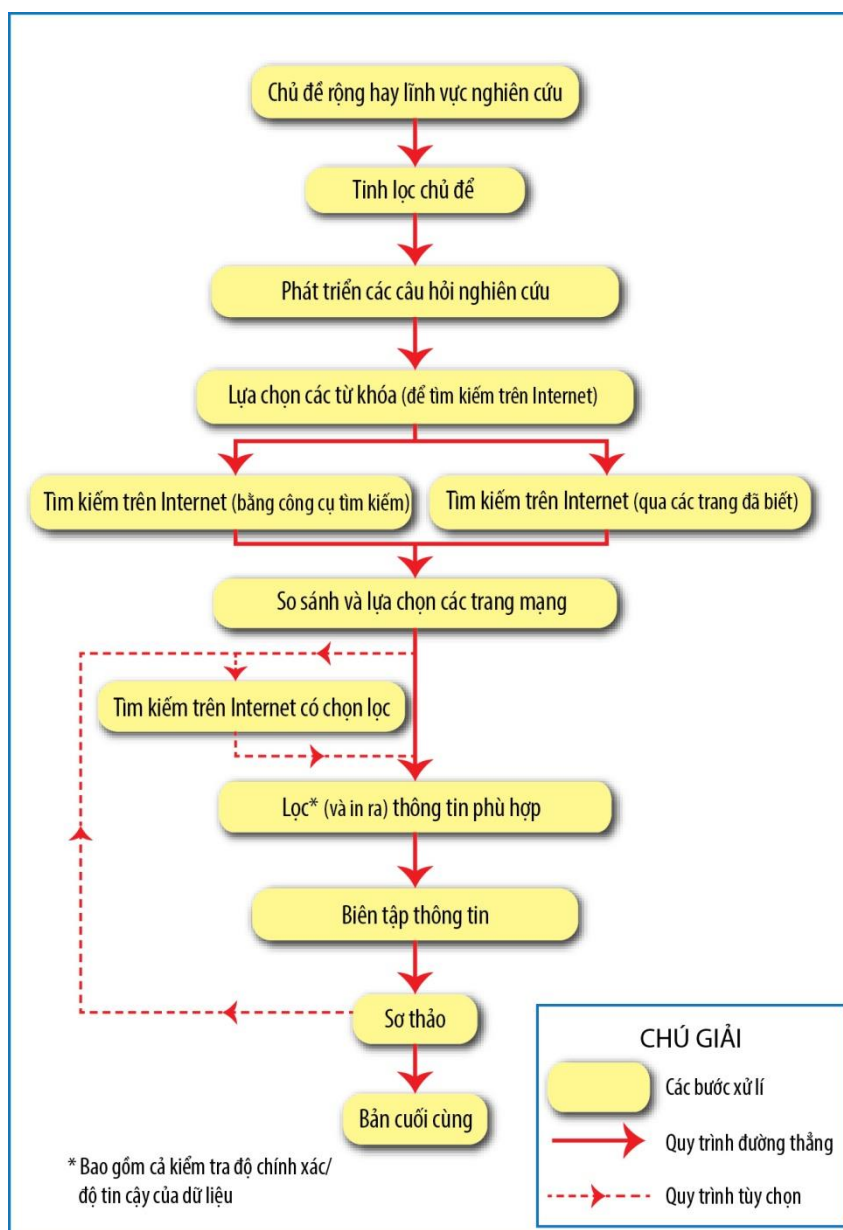
Sưu tầm ảnh và tìm hiểu về fi-o (fjord) Na Uy, sử dụng các công cụ tìm kiếm trên Internet, chẳng hạn dùng Google search.

GV hướng dẫn HS tự tìm kiếm hình ảnh về fi-o ở Na Uy thông qua trang tìm kiếm Google, sử dụng từ khóa tìm kiếm *fjord norway* (tìm kiếm fi-o ở Na Uy), đối tượng tìm kiếm là *Images* (tranh, ảnh)

GV giải thích cho HS về nguồn gốc địa hình bờ biển fi-o là do băng hà. HS có thể hiểu được là tại sao Na Uy có nhiều địa điểm thuận lợi làm cảng nước sâu.

Những tình huống khác trong đời sống hàng ngày có thể vận dụng như tìm tuyến xe buýt (ở các thành phố lớn), tìm đường đi dựa trên các ứng dụng bản đồ chỉ dẫn trên điện thoại; tra cứu địa điểm bằng Google Map, sử dụng GPS thông điện thoại để xác định tọa độ điểm đứng, sử dụng địa bàn trên điện thoại thông minh, sử dụng khí áp kế trên điện thoại thông minh để xác định độ cao điểm đứng và dự đoán tình trạng thời tiết trong ngày,... Có thể nói các công cụ, thiết bị giúp HS học tốt Địa lí và ứng dụng các điều học được vào cuộc sống.

Nếu cho HS sử dụng Internet như là nguồn tri thức để thực tập nghiên cứu, thì rất nên cho các em tuân thủ các bước như sơ đồ dưới đây.



Quy trình nghiên cứu thông qua Internet
(nguồn: *Place and Change*, hình 5.2, tr.16)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (à Nội, tháng 12/2018).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lý (cấp trung học cơ sở)* (Hà nội, tháng 12/2018).
3. RGEF, Tài liệu và kết quả thực nghiệm chương trình môn Lịch sử và Địa lí, tháng 5/2018.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử*, NXB Giáo dục, Hà Nội
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lý*, NXB Giáo dục, Hà Nội

Tiếng Anh

6. *Australia curriculum 8.2*, <http://www.acara.edu.au>
7. Ministry of Education, Singapore (2016), *History Syllabus: Lower secondary express course, normal (Academic) course, implementation starting with 2014 secondary one cohort*.
8. Ministry of Education, Singapore (2016), *Geography syllabus: Lower secondary express course, normal (Academic) course, implementation starting with 2014 secondary one cohort*.
9. National Center for History in the Schools, *About the National standards for history*, <http://www.nchs.ucla.edu>
10. National Council for Geographic Education, *Geography for life: National geography standards*, second edition, <http://www.ncge.org/geography-for-life>
11. *National geography standards overview*, [https://www.pdx.edu/geography-education/sites/www.pdx.edu.geography-education/files/7_Standards_Overview\[2\].pdf](https://www.pdx.edu/geography-education/sites/www.pdx.edu.geography-education/files/7_Standards_Overview[2].pdf)
12. UK Department for Education (2013), *The national curriculum in England: Framework document*.
13. Anderson, L., & Krathwohl, D. A. (2001), *Taxonomy for Learning, Teaching and Assessing: A Revision of Bloom's Taxonomy of Educational Objectives*. New York: Longman.
14. Tony Buzan and Barry Buzan (1994), *The Mind Map Book*, A Dutton Book (Bản dịch ra tiếng Việt: Tony and Bary Buzan (2008), *The Mind Map Book, Sơ đồ tư duy* (Lê Huy Lâm dịch), Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh).

15. Tim Corcoran (ed.) (2014), *Psychology in Education: Critical Theory ~ Practice*, Sense Publishers.
 16. Mick Healey and Jane Roberts (ed.) (2004) *Engaging Students in Active Learning: Case Studies in Geography, Environment and Related Disciplines*, Geography Discipline Network (GDN), University of Gloucestershire, UK.
 17. Andy Leeder (2006), *100 Ideas for Teaching Geography*, Continuum International Publishing Group, London, New York.
 18. Robert J. Marzano (2007), *The Art and Science of Teaching: A Comprehensive Framework for Effective Instruction*, Association for Supervision and Curriculum Development (ASCD), Alexandria, Virginia, USA.
 19. Raymond Pask (general editor) and al. (2000), *Place and Change - VCE Geography Units 1-4*, Geography Teachers' Association of Victoria Inc.
- Tiếng Pháp
20. Le Curriculum de l'Ontario 2013 Révisé- Etudes sociales de la 1^{re} à la 6^e année; Histoire et géographie 7^e et 8^e année.
 21. Ministère de l'Education Nationale - MENE0817481a (15-8-2008), Programme d'enseignement d'histoire-géographie-éducation civique pour les classes de sixième, de cinquième, de quatrième et de troisième du collège (www.education.gouv.fr/cid22116/mene0817481a.html)
- Tiếng Nga
22. Министерство образования Республики Беларусь (2014), ГЕОГРАФИЯ: Учебная программа для VII—X классов первого отделения вспомогательной школы с русским языком обучения, Минск.
 23. Министерство образования и науки Российской Федерации (2014), *Федеральный государственный образовательный стандарт основного общего образования (5-9 кл.)*, <http://минобрнауки.рф/документы/938>